



## CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ QUẢNG NGÃI

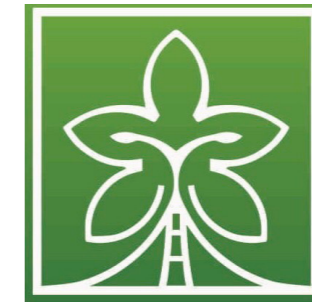
Trụ sở chính

 Đường Tô Hiến Thành, Phường Trần Phú, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi

 (0255) 381 9612

 [www.moitruongdothiquangngai.com.vn](http://www.moitruongdothiquangngai.com.vn)

## CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ QUẢNG NGÃI



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

— 2020 —

# MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG	5
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	25
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	55
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	67
BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY	71
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	79

**PHƯƠNG CHÂM CÔNG TY:  
“ SÁNG - XANH - SẠCH - ĐẸP ”**



# THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát	7
Quá trình hình thành và phát triển	9
Các giải thưởng tiêu biểu	11
Ngành nghề và Địa bàn kinh doanh	13
Sơ đồ tổ chức	15
Định hướng phát triển	17
Các nhân tố rủi ro	19





## THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ QUẢNG NGÃI
- Tên Tiếng Anh: QUANG NGAI URBAN ENVIRONMENT JOINT STOCK COMPANY
- Mã cổ phiếu: MQN
- Vốn điều lệ: 30.603.530.000 đồng
- Trụ sở chính: Đường Tô Hiến Thành, Phường Trần Phú, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi

- Điện thoại: (0255) 381 9612
- Fax: (0255) 3816 930
- Email: mtdtqngai@gmail.com
- Website: [www.moitruongdothiquangngai.com.vn](http://www.moitruongdothiquangngai.com.vn)
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 44300225555 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp lần đầu ngày 16/12/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 01/12/2020.





## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Tiền thân là Công ty công trình đô thị thị xã Quảng Ngãi, đơn vị sự nghiệp có thu trực thuộc UBND thị xã Quảng Ngãi được thành lập theo quyết định số 868/QĐ-UB ngày 18/9/1989 của UBND tỉnh Quảng Ngãi. Công ty đi vào hoạt động ngày 01/4/1990.

1990

Công ty môi trường Quảng Ngãi đổi tên thành Công ty Môi trường Đô thị Quảng Ngãi theo quyết định số 148/2003 QĐ-UB ngày 27/8/2003 của UBND tỉnh Quảng Ngãi và được chuyển giao chức năng quản lý nhà nước đối với Công ty từ UBND thị xã Quảng Ngãi sang Sở Xây Dựng Quảng Ngãi.

2003

1998

UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành quyết định số: 56/QĐ-UB ngày 01/01/1998 về việc thành lập Công ty môi trường Quảng Ngãi trực thuộc UBND thị xã Quảng Ngãi.

2006

Được chuyển đổi thành Công ty TNHH một thành viên Môi trường đô thị Quảng Ngãi theo quyết định số 2958/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2006 của UBND tỉnh Quảng Ngãi và do UBND tỉnh là chủ sở hữu

2009

Đến ngày 8/12/2009 Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành quyết định số 2124/QĐ-UBND chuyển Công ty TNHH một thành viên Môi trường đô thị Quảng Ngãi thành Công ty CP Môi trường đô thị Quảng Ngãi.

2018

Ngày 26/04/2018, Công ty chính thức trở thành công ty đại chúng căn cứ theo công văn số 2685/UBCK-GSĐC của UBCKNN. Ngày 09/05/2018, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng số 30/2018/GCNCP-VSD với mã chứng khoán: MQN.

2019

Công ty tăng vốn từ 15.955.430.000 đồng lên 22.177.290.000 đồng từ việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2018

2020

Công ty tăng vốn từ 22.177.290.000 đồng lên 30.603.530.000 đồng từ việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019.



## CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

Quyết định số 760/QĐ-CAT-PV01(PX03) ngày 24/4/2020 của Giám đốc Công an tỉnh Quảng Ngãi về việc tặng Giấy khen cho Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi đã có thành tích xuất sắc trong công tác phối hợp chữa cháy vụ cháy xảy ra ngày 09/4/2020 tại cơ sở sản xuất sắt, nhựa, gỗ Thiện Tín thuộc Cụm công nghiệp làng nghề xã Tịnh Ấn Tây, thành phố Quảng Ngãi;

Quyết định số 38/QĐ-UBND ngày 08/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc tặng Bằng khen cho Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi đã có thành tích xuất sắc trong phòng, chống, khắc phục hậu quả bão số 9 và mưa lũ tại miền Trung;

Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 08/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc tặng Bằng khen cho Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi đã có thành tích thực hiện tốt nghĩa vụ thuế năm 2020;

Quyết định số 241/QĐ-BHXH ngày 20/01/2021 của Giám đốc Bảo hiểm Xã hội tỉnh Quảng Ngãi về việc tặng Giấy khen cho Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi đã thực hiện tốt công tác BHXH, BHYT năm 2020.



# NGÀNH NGHỀ, ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG VÀ SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH



### - Dịch vụ chăm sóc cây xanh, thảm cỏ:

Công ty thực hiện hoạt động trồng, chăm sóc, cắt tỉa, quản lý và bảo vệ cây xanh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng đúng chủng loại, đúng quy trình kỹ thuật; Chăm sóc công viên, vườn hoa, thảm cỏ tại dải phân cách, đài tưởng niệm, quảng trường... nhằm góp phần tạo vẻ đẹp cảnh quan đô thị, phù hợp với quy hoạch kiến trúc của thành phố.



### - Thu gom rác thải không độc hại:

Cùng với sự phát triển của các khu đô thị, sự phát triển các khu dân cư nên khối lượng rác thu gom, vận chuyển ngày càng nhiều. Vì vậy Công ty chú trọng đến việc nâng cấp trang bị các phương tiện vận tải máy móc, loại dần và thay thế các phương tiện, máy móc, thiết bị có thời gian sử dụng lâu và đầu tư mới vừa giúp nâng cao năng lực hoạt động vừa đảm bảo đến hiệu quả kinh doanh của Công ty



### - Duy tu, bảo dưỡng hệ thống thoát nước đô thị:

Việc bị ngập lụt trên địa bàn thành phố là vấn đề đe dọa nghiêm trọng đối với sự an toàn của người dân và làm xuống cấp hệ thống cơ sở hạ tầng. Chính vì thế công tác duy tu và bảo dưỡng hệ thống thoát nước đô thị của MQN là hết sức kịp thời nhằm mang đảm bảo được sự an toàn cho người dân và cải thiện hệ thống cơ sở hạ tầng thoát nước đô thị.



### - Duy tu, bảo dưỡng hệ thống chiếu sáng công cộng:

Ngoài hoạt động thu gom xử lý rác thải, chăm sóc cây xanh và thảm cỏ. Công ty còn thực hiện công tác quản lý vận hành, duy tu bảo dưỡng hệ thống chiếu sáng công cộng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, góp phần thay đổi diện mạo và tôn tạo mỹ quan đô thị.

## ĐỊA BÀN KINH DOANH

Công ty thực hiện cung cấp dịch vụ trong địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

- 📍 Thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi;
- 📍 Thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi;
- 📍 Huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi;
- 📍 Huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.



VƯỜN HOA BA TƠ



## CÔNG TY CON

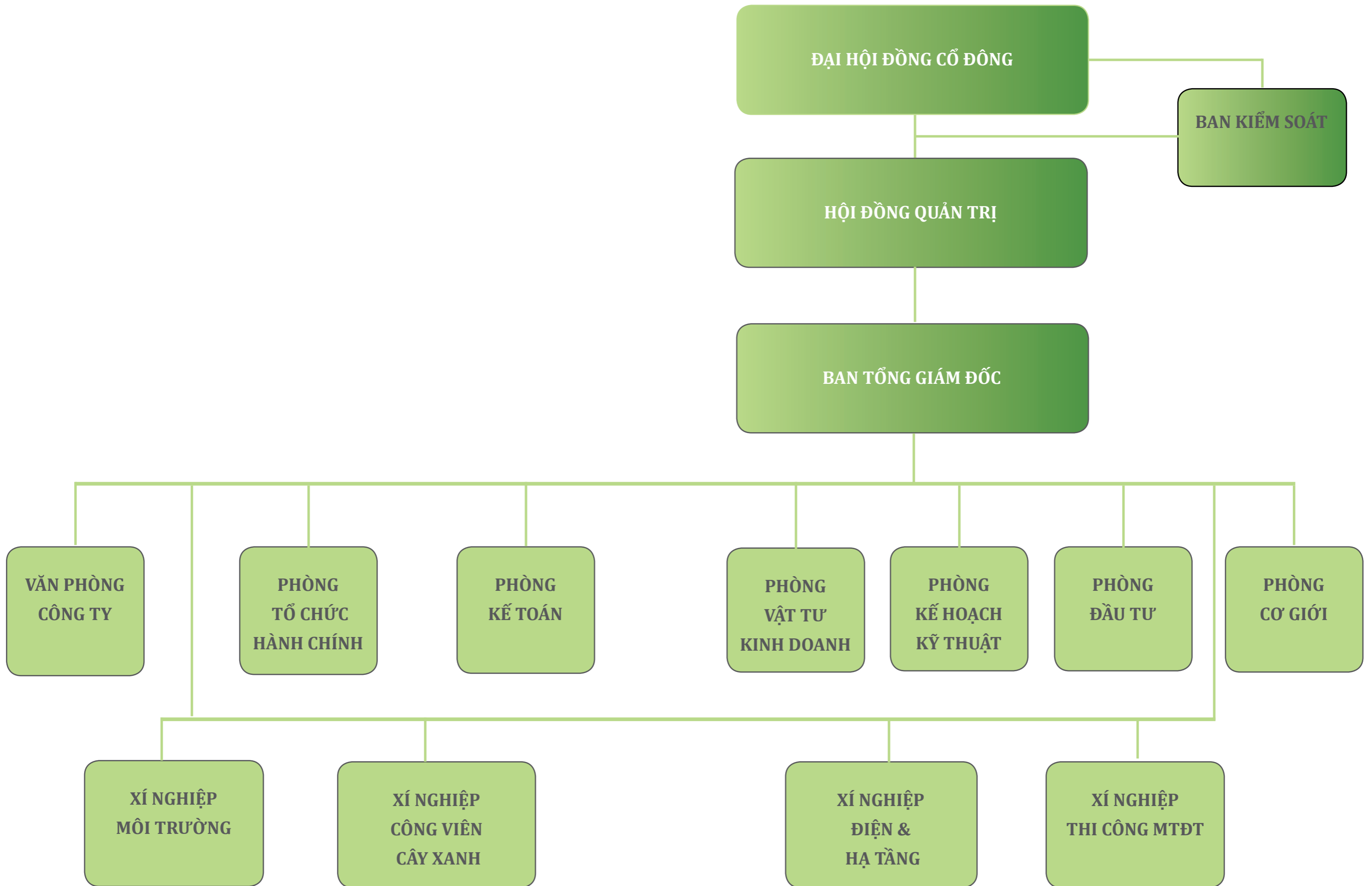
Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Việt Trì

Địa chỉ: Số nhà 2181, đường Hùng Vương, phường Gia Cẩm, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính: Hoạt động lĩnh vực môi trường đô thị.

Vốn điều lệ MQN đã góp: 33.455.600.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 93,37%







## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

- Chất lượng sản phẩm là thương hiệu của Công ty;
- Phấn đấu giữ vững đơn vị hàng đầu trên địa bàn tỉnh trong lĩnh vực môi trường đô thị;
- Đầu tư, phát triển một số lĩnh vực ngành nghề hiện nay chưa được Công ty quan tâm đúng mức, đồng thời tiếp tục mở rộng địa bàn hoạt động đối với các lĩnh vực mà Công ty đang thực hiện ra các huyện trong tỉnh.
- Đẩy mạnh công tác quản lý, điều hành, đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị trong Công ty. Tiếp tục xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy chế để điều hành, phân cấp quản lý một cách thống nhất từ trên xuống dưới.



## TẦM NHÌN

Xây dựng Công ty thành một Công ty chủ lực của thành phố thi công các công trình trong lĩnh vực vệ sinh môi trường, công viên cây xanh, và chiếu sáng; Đa sở hữu, đa ngành nghề cùng chung tay bảo vệ môi trường.

## SỨ MỆNH

Trách nhiệm của Công ty là phải góp phần làm giảm sự ô nhiễm môi trường, tạo vẻ mỹ quan đô thị, bảo vệ môi trường trở thành mục tiêu công việc trọng tâm của Công ty nhằm góp phần chung tay xây dựng thành phố Quảng Ngãi trở thành một thành phố “Sáng – Xanh - Sạch - Đẹp”, góp phần vào việc giữ gìn, sức khỏe người dân và lợi ích cộng đồng, sự phát triển kinh tế của thành phố Quảng Ngãi.

## Các mục tiêu, chiến lược chủ yếu của Công ty

“Công ty Cổ phần Đô thị Quảng Ngãi là một trong những công ty có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực môi trường tại thành phố Quảng Ngãi. Với tiền thân là Công ty công trình đô thị thị xã Quảng Ngãi, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND thị xã Quảng Ngãi được thành lập theo quyết định số 868/QĐ-UB ngày 18/9/1989 của UBND tỉnh Quảng Ngãi. Công ty đi vào hoạt động ngày 01/4/1990. Sau hơn 20 năm hoạt động theo mô hình doanh nghiệp Nhà nước, Công ty đã có một bước chuyển mình quan trọng khi chuyển đổi mô hình doanh nghiệp từ Nhà nước sang Công ty cổ phần vào ngày 01/01/2010. Sau 11 năm chuyển đổi mô hình, Công ty đã đạt những thành công nhất định trong lĩnh vực hoạt động của mình. Bằng chứng là có lợi thế hơn hẳn khi xét về bề dày kinh nghiệm cũng như quy mô với các Công ty cùng lĩnh vực hoạt động”.

## PHƯƠNG CHÂM: “SÁNG - XANH - SẠCH - ĐẸP”



## RỦI RO KINH TẾ

Năm 2020, nền kinh tế thế giới với nhiều biến động đã tác động trực tiếp đến nền kinh tế Việt Nam. Nguyên nhân chính là do ảnh hưởng từ dịch bệnh Covid-19, làm cho nền kinh tế bị đình trệ. Nhiều thành phố lớn trên thế giới phải đóng cửa, vì vậy sản xuất giao thương với nước ngoài hạn chế, tác động trực tiếp đến nền kinh tế Việt Nam. Tình hình dịch bệnh đang diễn ra phức tạp, làm cho kinh tế trong nước thu hẹp, tập trung chi ngân sách nhà nước nhằm phục hồi nền kinh tế sau đại dịch Covid-19. Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ công ích, MQN vì thế cũng chịu tác động từ các yếu tố của nền kinh tế.

Trước tình hình đó, Công ty luôn lập các kế hoạch kinh doanh trung và dài hạn, tạo ra các quỹ dự phòng nhằm ứng biến với những biến động bất thường từ nền kinh tế gây ra.



## RỦI RO PHÁP LUẬT

Nhằm tăng cường hiệu quả quản lý cũng như tạo hành lang pháp lý cho các doanh nghiệp tăng trưởng và phát triển. Nhà nước đã thực hiện ban hành một loạt hệ thống các văn bản pháp luật nhằm điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Công ty hoạt động kinh doanh dưới sự chi phối của hệ thống pháp luật Việt Nam và những chính sách có liên quan, bao gồm: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, các quy định về bảo vệ môi trường và an toàn lao động... Trong đó, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán... đang sửa đổi và được áp dụng vào ngày 01/01/2021, sẽ có sự tác động đến tình hình kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó vì là công ty về môi trường nên công ty bị tác động thêm bởi những quy chuẩn về bảo vệ môi trường và cảnh quan để đảm bảo đúng với chỉ đạo của Nhà nước.

Để hạn chế rủi ro pháp luật, Công ty luôn theo dõi và cập nhật những văn bản mới nhất của pháp luật Việt Nam để có những điều chỉnh về hệ thống quy trình, quy định nội bộ để phù hợp với sự thay đổi đó.

## RỦI RO CẠNH TRANH

Nhà Nước đã đưa ra chính sách khuyến khích áp dụng đấu thầu đối với các hoạt động dịch vụ công ích nhằm thu hút sự tham gia từ các doanh nghiệp tư nhân, nâng cao tính cạnh tranh và cải thiện chất lượng dịch vụ. Dẫn đến, thị trường ngành dịch vụ công ích sẽ ngày càng gay gắt, cạnh tranh khốc liệt với các công ty cùng ngành trong nước sử dụng giải pháp chào giá rất thấp, đặc biệt trong các dịch vụ lập dự án, thiết kế các dự án, công trình không có yêu cầu kỹ thuật cao với sự tham gia của rất nhiều công ty mới.

Trước rủi ro cạnh tranh ngày càng cao, Công ty đặt mục tiêu về chất lượng lên hàng đầu, đồng thời tối ưu hóa chi phí nhằm tăng lợi thế với các đơn vị cùng ngành.





## CÁC RỦI RO

### RỦI RO GIÁ

Ngành môi trường cảnh quan được xem như ngành đặc thù dưới sự hỗ trợ của nhà nước. Vì vậy, Công ty phụ thuộc rất nhiều vào giá đầu ra do nhà nước quyết định. Tuy nhiên, giá nguyên vật liệu đầu vào ngày một tăng, cùng với chi phí nhân công tăng cao. Điều này đã kéo theo chi phí đầu vào tăng đã tác động trực tiếp đến doanh thu của Công ty.

Thấy được những rủi ro trên, Công ty đề ra những kế hoạch kinh doanh phù hợp, đa dạng hóa dịch vụ nhằm tối ưu hóa lợi nhuận.

### RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Trong năm 2020, khúc ruột miền Trung luôn phải hứng chịu các đợt bão lũ lụt, làm thất thoát tài sản. Ngoài ra vào mùa hè nắng nóng kéo dài gây ra hạn hán, ảnh hưởng, gây thiệt hại rất lớn đến môi trường cảnh quan chung Công ty có trách nhiệm chăm sóc.

Chính vì thế, Công ty cần có những biện pháp chủ động trong việc phòng ngừa các rủi ro này bằng cách theo dõi thời tiết tại địa phương để có những cây trồng thích hợp với thời tiết thay đổi.

### RỦI RO KHÁC

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng như bão lớn, hỏa hoạn có thể gây ảnh hưởng đến tài sản, con người và hoạt động của Công ty. Đây là những rủi ro thường gây thiệt hại rất lớn về vật chất và tinh thần đối với Công ty.

Chính vì thế, Công ty cần có những biện pháp chủ động trong việc phòng ngừa các rủi ro này bằng các hợp đồng bảo hiểm về tài sản cũng như con người để hạn chế thấp nhất những tổn thất có thể xảy ra.



# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	27
Tổ chức và nhân sự	29
Tình hình đầu tư thực hiện dự án	45
Tình hình tài chính	47
Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	51
Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng	53





## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% Tăng/ (giảm)
1	Doanh thu thuần	150.328	152.204	1,25%
2	Giá vốn hàng bán	105.429	114.283	8,40%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	2.141	1.962	-8,36%
4	Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh	31.096	24.756	-20,39%
5	Lợi nhuận khác	13	-29	-323%
6	Lợi nhuận trước thuế	31.109	24.728	-20,52%
7	Lợi nhuận sau thuế	24.598	21.253	-13,60%
8	Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (đồng)	6.441	5.473	-15,03%

Nhận xét:

Trong bối cảnh thị trường chung năm 2020 gặp nhiều khó khăn, Công ty chủ động thực hiện nhiều giải pháp phát huy các lợi thế, khắc phục khó khăn để duy trì hiệu quả sản xuất kinh doanh. Nhờ đó, kết quả hoạt động kinh doanh trong năm đạt được kết quả khả quan. Cụ thể, doanh thu thuần đạt 152,2 tỷ đồng, tăng 1,25% so với năm 2019. Bên cạnh đó, khối đại đoàn kết Công ty luôn duy trì, ý thức trong lao động được nâng cao, góp phần mang lại kết quả khả quan năm 2020.



### Chi tiết doanh thu thuần

ĐVT: Triệu đồng

STT	Doanh thu thuần	Năm 2019	Năm 2020	% Tăng/ (giảm)
1	Dịch vụ môi trường	52.806	53.681	1,66%
2	Dịch vụ chăm sóc cây xanh	39.563	37.855	-4,32%
3	Dịch vụ điện chiếu sáng	28.651	29.577	3,23%
4	Lĩnh vực khác	29.309	31.091	6,08%

Doanh thu thuần trong năm đạt 152,2 tỷ đồng, tương đương tăng 1,25% so với năm 2019. Cụ thể, doanh thu từ dịch vụ môi trường đạt gần 54 tỷ đồng năm 2020 tăng 1,66% so với năm 2019, doanh thu từ dịch vụ chăm sóc cây xanh đạt gần 38 tỷ đồng, doanh thu từ điện chiếu sáng đạt gần 30 tỷ đồng. Bên cạnh đó còn có doanh thu từ lĩnh vực khác hơn 31 tỷ đồng tương đương tăng 6,08% so với năm 2019.



**a. Danh sách Hội đồng Quản trị**

STT	Thành viên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
<b>I HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>				
1	Lê Đăng Triều	Chủ tịch HĐQT	01/01/2021	
2	Trần Thanh Minh	Thành viên HĐQT	24/06/2020	
		Chủ tịch HĐQT	01/12/2020	01/01/2021
3	Ông Vương Hùng Vân	Chủ tịch HĐQT	24/06/2020	01/12/2020
		Thành viên HĐQT	01/12/2020	
4	Nguyễn Thị Thu Dung	Thành viên HĐQT	24/06/2020	
		Phó Chủ tịch HĐQT	01/01/2021	
5	Đoàn Nhật Linh	Thành viên HĐQT	24/06/2020	
6	Hồ Tấn Hóa	Thành viên HĐQT	24/06/2020	
7	Lê Hồng Sơn	Thành viên HĐQT	24/06/2020	15/12/2020
8	Trương Minh Khương	Thành viên HĐQT	09/05/2015	24/06/2020
9	Trương Minh Phương	Thành viên HĐQT	24/06/2020	
10	Đỗ Dương Công	Thành viên HĐQT	25/05/2019	24/06/2020

Năm sinh 1981  
 Quốc tịch Việt Nam  
 Trình độ chuyên môn Kỹ sư cầu hầm  
 Quá trình công tác

**Ông LÊ ĐĂNG TRIỀU**

2005-2010	Đội trưởng - Công ty Thi công cơ giới 1, thuộc Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 1
2010-12/2019	Phó TGD - Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Trung Chính
2015 đến nay	Chủ tịch Hội đồng thành viên - Công ty TNHH Đầu tư, Thương mại và Xây dựng Đức Thịnh
11/2019 đến nay	Thành viên HĐQT - HĐQT Công ty CP Đầu tư Năng lượng, nông nghiệp chất lượng cao
01/2020-9/2020	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Hợp Nghĩa
02/2020 đến nay	Thành viên HĐQT - Công ty CP Đầu tư Điện năng Ba Tơ
07/2020 đến nay	Thành viên HĐQT - Công ty CP Đầu tư Điện năng Đức Phổ
10/2020 đến nay	Chủ tịch HĐQT; Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Tổng Công ty Đầu tư Hợp Nghĩa

Năm sinh 1980  
 Quốc tịch Việt Nam  
 Trình độ chuyên môn Cử nhân Luật – Học viện Kiểm sát Tp. HCM.

**Ông TRẦN THANH MINH**
**Quá trình công tác**

2005 - 2010	Phó Giám đốc - Công ty CP Xây dựng và Thương mại Phúc Sinh
2011 - 2015	Tổng Giám đốc - Công ty CP Phúc Lộc Quảng Ngãi
2015 - 2016	Tổng Giám đốc - Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO
10/2015 - 04/2016	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD- Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Thương mại Bình Minh Miền Trung
05/2016 - 01/2018	Chủ tịch HĐQT – Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Thương mại Bình Minh Miền Trung
09/2016 – 04/2017	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hợp Nghĩa
01/2018 - 05/2019	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thaingroup Quảng Ngãi
05/2019 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi
11/2019 đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư năng lượng, nông nghiệp chất lượng cao
04/2020 đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Điện năng Ba Tơ

Năm sinh 1980  
 Quốc tịch Việt Nam  
 Trình độ chuyên môn Kỹ sư cầu đường. Cử nhân quản trị kinh doanh

**Ông VƯƠNG HÙNG VÂN**

**Quá trình công tác**

2003	Cán bộ kỹ thuật – Công ty Đầu tư Xây dựng và du lịch Dầu khí – Tĩnh Phong – Sơn Tịnh – Quảng Ngãi
2003 – 2004	Chuyên viên Phòng Kế hoạch – Tài chính - Ban Quản lý KCN Dung Quất
2004 – 2007	Cán bộ quản lý đầu tư – Ban quản lý các dự án Nông Lâm nghiệp Dung Quất – BQL Khu Kinh tế Dung Quất
2007 - 2011	Phó phụ trách Phòng Kỹ thuật điều độ - Trưởng phòng Kế hoạch tổng hợp – Công ty TNHH MTV Xây dựng Công trình Dung Quất
2011 - 2013	Trưởng phòng Kinh tế - Kỹ thuật – Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung CN Quảng Ngãi – Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Việt Nam
2013 - 2015	Trợ lý Tổng Giám đốc; Trưởng phòng Kế hoạch kỹ thuật - Công ty Cổ phần Phúc Lộc Quảng Quảng
2015 - 2016	Giám đốc Công ty – Công ty Cổ phần tư vấn Xây dựng Đông Thuận Phát
2016 - 2018	Thành viên HĐQT; Tổng Giám đốc Công ty – Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hợp Nghĩa
2017-2019	Chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ phần Môi trường Xanh Quảng Ngãi
2018 - nay	Thành viên HĐQT; Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Đầu tư Rạng Đông Quảng Ngãi
2019 - 12/2020	Chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ phần Môi trường Đô Thị Quảng Ngãi
12/2020 đến nay	Tổng giám đốc – Công ty Cổ phần Môi trường Đô Thị Quảng Ngãi

Năm sinh 1989  
 Quốc tịch Việt Nam  
 Trình độ chuyên môn Cử nhân luật Kinh doanh, Thạc sỹ luật Kinh tế.

**Bà NGUYỄN THỊ THU DUNG**

**Quá trình công tác**

2011 -2013	Nhân viên Tư vấn – Công ty Luật Hợp danh Phước Lý
2013 - 2014	Chuyên viên – Viện kiểm soát nhân dân huyện Sơn Tịnh, Tỉnh Quảng Ngãi
01/2015 – 09/2015	Chuyên viên – Phòng Thực quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án kinh tế, chức vụ , tham nhũng, an ninh, ma túy – Viện KSND cấp cao tại Đà Nẵng
2018 - 2019	Kiểm sát viên sơ cấp – Viện thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm án hình sự - Viện KSND cấp cao tại Đà Nẵng
04/2019 – 11/2019	Tham gia học các khóa học ngắn hạn tại Tp. HCM
12/2019 – 02/2020	Tham gia Chương trình thực tế tại Australia
03/2020 - 08/2020	Trợ lý Ban lãnh đạo – Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi
01/09/2020 - đến nay	Phó Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi
24/06/2020 - đến nay	Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi
01/01/2021 - đến nay	Phó Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi

Năm sinh 1984  
 Quốc tịch Việt Nam  
 Trình độ chuyên môn Kỹ sư – Cấp thoát nước – Môi trường nước, Thạc sĩ – Quản lý Kinh tế

**Ông ĐOÀN NHẬT LINH**

**Quá trình công tác**

2009 - 2014	Nhân viên phòng Kỹ thuật và Quản lý nhà
2015 - 2016	Phó Giám đốc Xí nghiệp Môi trường - Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi
2016 - 03/2020	Giám đốc Xí nghiệp Môi trường - Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi
04/2020 đến nay	Phó Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi
24/06/2020 đến nay	Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi



**TRUNG TÂM TP. QUẢNG NGÃI**



**Ông HỒ TẤN HÓA**

Năm sinh	1971
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Xây dựng dân dụng và công nghiệp
Quá trình công tác	
1998 - 1999	Cán bộ kỹ thuật - Công ty Công trình đô thị thị xã Quảng Ngãi
1999 -2001	Cán bộ kỹ thuật - Ban QLDA Thủy lợi - Sơ Nông nghiệp PTNT
2001 - 2002	Cán bộ kỹ thuật - Công ty Xây dựng số 1 - COFICO
2002 -2003	Tổ trưởng Detail - Xí nghiệp Bê tông Phú Mỹ Hưng (Tp. HCM)
2003 - 2005	Cán bộ kỹ thuật - Phòng Kế hoạch - Vật tư - Kỹ thuật - Quản lý nhà Công ty Môi trường Đô thị Quảng Ngãi
2005 -2010	Trưởng phòng - Phòng Kỹ thuật Quản lý nhà Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Quảng Ngãi
2010 -2014	Trưởng/ Phó phòng, Thành viên Ban kiểm soát - Phòng Kỹ thuật - Quản lý Nhà Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Quảng Ngãi
2015 - 12/2020	Trưởng phòng - Phòng Kinh tế - Kỹ thuật Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi
01/2021 đến nay	Phó Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi
24/06/2020 đến nay	Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi

**Ông TRƯƠNG MINH PHƯƠNG**

Năm sinh	1979
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	
04/2005 - 04/2007	Nhân viên phòng Tổ chức - Hành chính - Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Dung Quất
05/2007 - 09/2019	Nhân viên phòng Tổ chức - Hành chính - Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi
10/2019 - 08/2020	Phó Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính - Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi
09/2020 đến nay	Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính - Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi
24/06/2020 đến nay	Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi





## b. Danh sách Ban điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Ngày miễn nhiệm
<b>I Ban điều hành</b>			
1	Ông Vương Hùng Vân	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/12/2020
2	Ông Lê Hồng Sơn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2018 Miễn nhiệm ngày 01/12/2020
3	Bà Nguyễn Thị Thu Dung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/09/2020
4	Ông Đoàn Nhật Linh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/04/2020
5	Ông Hồ Tấn Hóa	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2021
6	Bà Trần Thị Thanh Nga	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2021
7	Ông Phạm Tấn Vũ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08/02/2021
8	Ông Trương Minh Khương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/06/2015 Miễn nhiệm ngày 01/01/2021
9	Ông Võ Văn Hưng	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 08/03/2021
		Phụ trách kế toán	Bổ nhiệm ngày 01/01/2021
10	Ông Lê Cao Thanh	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01/06/2015 Miễn nhiệm ngày 01/01/2021

Thông tin lý lịch Ông Vương Hùng Vân, Bà Nguyễn Thị Thu Dung, Ông Đoàn Nhật Linh, Ông Hồ Tấn Hóa xem ở phần II.2.a

Năm sinh 1988  
Quốc tịch Việt Nam  
Trình độ chuyên môn Cử nhân Kinh tế

**Bà TRẦN THỊ THANH NGÀ**

### Quá trình công tác

04/2016 - 07/2018 Thành viên Hội đồng thành viên Công ty Cổ phần Tư vấn Kiểm định Thanh Long  
04/2017 - 09/2020 Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hợp Nghĩa  
12/2017 đến nay Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Petro Dung Quất  
01/2017 - 09/2020 Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Trần Gia Hân  
11/2018 - 8/2020 Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thiết bị cơ giới và Khai thác Khoáng sản Hợp Nghĩa  
03/2019 - 09/2020 Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hợp Nghĩa  
07/2019 - 05/2020 Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Phát triển Đầu tư Hợp Nhất  
04/2020 đến nay Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Phát triển Gia Phát  
05/2020 đến nay Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Điện năng Đức Phổ  
1/10/2020 - 10/10/2020 Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tổng Công ty Đầu tư Hợp Nghĩa  
Từ 01/2021 đến nay Phó TGD Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi

Năm sinh 1981  
Quốc tịch Việt Nam  
Trình độ chuyên môn Kỹ sư Lâm nghiệp

**Ông PHẠM TẤN VŨ**

### Quá trình công tác

02/2006 - 10/2006 Cán bộ kỹ thuật Đội ươm cây xanh Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi  
11/2006 - 12/2011 Đội phó Đội ươm cây xanh Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi  
01/2012 - 5/2015 Phó Giám đốc Xí nghiệp Công viên - Cây xanh Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi  
06/2015 - 12/2020 Giám đốc Xí nghiệp Công viên - Cây xanh Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi  
02/2021 đến nay Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi



Năm sinh 1987  
 Quốc tịch Việt Nam  
 Trình độ chuyên môn Cử nhân kinh tế  
 Quá trình công tác

## Ông VÕ VĂN HƯNG

3/2007 - 3/2009	Hành chính - Kế toán - Đội xây lắp 1 thuộc Công ty Cổ phần Phát triển CSHT Quảng Ngãi.
01/2010 - 7/2014	Kế toán tổng hợp - Công ty Cổ phần Hiệp Phát
8/2014 - 12/2019	Kế toán Xí nghiệp Điện và Hạ tầng - Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi
01/2021 - 3/2021	Phó trưởng phòng phụ trách phòng kế toán - Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi
03/2021 - Nay	Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi

### c. Danh sách Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
<b>I Ban điều hành</b>				
1	Phạm Thị Bích Lai	Trưởng BKS	Bổ nhiệm ngày 24/06/2020	
2	Nguyễn Thị Anh Tuyến	Thành viên BKS	Bổ nhiệm ngày 24/06/2020	
3	Phạm Đức Cường	Thành viên BKS	Bổ nhiệm ngày 15/12/2020	
4	Trương Tuấn Tú	Thành viên BKS	Bổ nhiệm ngày 24/06/2020	Miễn nhiệm ngày 15/12/2020

Năm sinh 1983  
 Quốc tịch Việt Nam  
 Trình độ chuyên môn Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán  
 Quá trình công tác

## Bà PHẠM THỊ BÍCH LAI

2004 - 2013	Công ty TNHH xây lắp Quyết Thắng
2013 - 05/2019	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Phúc Lộc Quảng Ngãi
05/2019 đến nay	Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Môi trường đô thị Quảng Ngãi
01/2020 đến nay	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Tổng Công ty Đầu tư Hợp Nghĩa

Năm sinh 1983  
 Quốc tịch Việt Nam  
 Trình độ chuyên môn Cử nhân cao đẳng ngành công nghệ môi trường, Cử nhân kinh tế ngành quản trị kinh doanh

## Bà NGUYỄN THỊ ANH TUYẾN

Quá trình công tác	
2005 - 2012	Nhân viên Phòng kinh doanh
2012 - 2016	Phó Phòng kinh doanh CTCP Môi trường đô thị Quảng Ngãi
2017 - 2019	Trưởng Phòng kinh doanh CTCP Môi trường đô thị Quảng Ngãi
2019 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát CTCP Môi trường đô thị Quảng Ngãi

Năm sinh 1975  
 Quốc tịch Việt Nam  
 Trình độ chuyên môn Kỹ sư Xây dựng Dân dụng & Công nghiệp

## Ông PHẠM ĐỨC CƯỜNG

Quá trình công tác	
2000-2003	Nhân viên phòng Kỹ thuật - Công ty Cổ phần Xây dựng đô thị & KCN
2003-02/2008	Chuyên viên thiết kế kết cấu và lập dự toán - TT tư vấn địa chất mỏ - Tổng Công ty xây dựng miền Trung
03/2008-12/2011	Chuyên viên phòng kỹ thuật - BQL DA CTMTĐTMT - Tiểu dự án Quảng Ngãi
01/2012-09/2019	Chuyên viên phòng kinh tế - kỹ thuật - Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi
10/2019-12/2019	Phó TP kinh tế - kỹ thuật - Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi
01/2020-12/2020	Phó Giám đốc Xí nghiệp Môi trường - Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi
Từ 12/2020 đến nay	Giám đốc Xí nghiệp Môi trường; Thành viên BKS - Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi



## b. Danh sách thay đổi thành viên HĐQT, BKS, BTGD trong năm 2020

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
<b>I Hội đồng Quản trị</b>			
1	Lê Đăng Triều	Chủ tịch HĐQT	Ngày bổ nhiệm 30/12/2020
2	Trần Thanh Minh	Thành viên HĐQT	Ngày bổ nhiệm 24/06/2020
		Chủ tịch HĐQT	Ngày bổ nhiệm 01/12/2020
3	Ông Vương Hùng Vân		Ngày miễn nhiệm 01/01/2021
		Chủ tịch HĐQT	Ngày bổ nhiệm 24/06/2020
4	Nguyễn Thị Thu Dung		Ngày miễn nhiệm 01/12/2020
		Thành viên HĐQT	Ngày bổ nhiệm 01/12/2020
4	Nguyễn Thị Thu Dung	Phó Chủ tịch HĐQT	Ngày bổ nhiệm 01/01/2021
5	Đoàn Nhật Linh	Thành viên HĐQT	Ngày bổ nhiệm 24/06/2020
6	Hồ Tấn Hóa	Thành viên HĐQT	Ngày bổ nhiệm 24/06/2020
7	Lê Hồng Sơn	Thành viên HĐQT	Ngày bổ nhiệm 24/06/2020
8	Trương Minh Khương		Ngày miễn nhiệm 15/12/2020
		Thành viên HĐQT	Ngày miễn nhiệm 24/06/2020
9	Trương Minh Phương	Thành viên HĐQT	Ngày bổ nhiệm 24/06/2020
10	Đỗ Dương Công	Thành viên HĐQT	Ngày miễn nhiệm 24/06/2020

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Ngày miễn nhiệm
<b>II Ban điều hành</b>			
1	Ông Vương Hùng Vân	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/12/2020
2	Ông Lê Hồng Sơn	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/12/2020
3	Bà Nguyễn Thị Thu Dung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/09/2020
4	Ông Đoàn Nhật Linh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/04/2020
5	Ông Hồ Tấn Hóa	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2021
6	Bà Trần Thị Thanh Nga	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2021
7	Ông Phạm Tấn Vũ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08/02/2021
8	Ông Trương Minh Khương	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/01/2021
9	Ông Võ Văn Hưng	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 08/03/2021
		Phụ trách kế toán	Bổ nhiệm ngày 01/01/2021
10	Ông Lê Cao Thanh	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 01/01/2021

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Ngày miễn nhiệm
<b>III Ban kiểm soát</b>			
1	Phạm Thị Bích Lai	Trưởng BKS	Bổ nhiệm ngày 24/06/2020
2	Nguyễn Thị Anh Tuyến	Thành viên BKS	Bổ nhiệm ngày 24/06/2020
3	Phạm Đức Cường	Thành viên BKS	Bổ nhiệm ngày 15/12/2020
4	Trương Tuấn Tú	Thành viên BKS	Bổ nhiệm ngày 24/06/2020
			Miễn nhiệm ngày 15/12/2020

**c. Số lượng cán bộ công nhân viên**

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
A	Theo trình độ		
1	Đại học, trên đại học	76	14,6
2	Cao đẳng và trung cấp	73	14,0
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	45	8,6
4	Lao động phổ thông	328	62,8
B	Theo tính chất hợp đồng lao động		
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	10	1,9
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	14	2,7
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	498	95,4
II	Theo đối tượng lao động		
1	Lao động trực tiếp	460	88,1
2	Lao động gián tiếp	62	11,9
III	Theo giới tính		
1	Nam	346	66,3
2	Nữ	176	33,7
<b>Tổng cộng</b>		<b>522</b>	<b>100%</b>

**Thu nhập bình quân**

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Tổng số lượng người lao động (người)	481	498	522
Thu nhập bình quân (Triệu đồng/người/năm)	103	111	102



#### **d. Chính sách nhân sự**

##### **Về đào tạo**

Công ty luôn coi trọng công tác đào tạo để phát triển và khai thác những tiềm năng của nhân sự. Với Công ty, đào tạo không chỉ là hình thức đầu tư cho nguồn vốn con người của tổ chức mà còn nhằm mục tiêu phát triển bản thân cho đội ngũ NLĐ. Công ty chú trọng vào các khoá đào tạo, huấn luyện ở tất cả các lĩnh vực để cải tiến chất lượng, Công ty luôn cố gắng đảm bảo cơ sở vật chất đầy đủ, tiện nghi phục vụ cho quá trình làm việc ở tất cả các nơi từ văn phòng đến các xí nghiệp, đội, tổ sản xuất.

Nhằm hạn chế tối đa những rủi ro trong quá trình sản xuất, lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện, công cụ bảo hộ lao động theo các yêu cầu tiêu chuẩn an toàn của Luật Bảo hộ lao động, nâng cao chuyên môn và phát huy tiềm năng sẵn có ở mỗi vị trí công việc. Xác định việc đào tạo là nguồn lực đầu tư và phát triển lâu dài, Công ty đã rất quan tâm và xây dựng các cơ chế chính sách, quy chế, quy định đào tạo để khuyến khích người lao động nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

##### **Về tuyển dụng**

Việc tuyển dụng nhân sự luôn dựa trên nguyên tắc đánh giá năng lực, kinh nghiệm và kỹ năng phù hợp cho từng vị trí. Công ty trân trọng sự đa dạng và đề cao các cơ hội công bằng để tìm kiếm được nguồn nhân sự vừa có năng lực vừa phù hợp với môi trường làm việc để cùng nhau gắn bó lâu dài.



##### **Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ**

Đội ngũ NLĐ của Công ty đã ngày càng lớn mạnh, sáng tạo, hoàn thiện chuyên môn, kỹ năng. Chính tinh thần “Không ngừng sáng tạo, vững bước tiến lên” tạo dựng thành công uy tín trong mắt khách hàng, đối tác và nhà đầu tư. Trong năm 2020, dưới sự chỉ đạo của Ban điều hành, các hoạt động về nhân sự được triển khai trên những mảng tiêu biểu như sau:

- Tiếp tục duy trì và phát huy các chính sách tốt về lương thưởng, chế độ đãi ngộ, phúc lợi với NLĐ;
- Rà soát, đánh giá và thực hiện cải tiến trong hoạt động quản trị nhân sự;
- Xây dựng khung năng lực cán bộ, xây dựng bộ chỉ tiêu theo từng vị trí, thực hiện đánh giá minh bạch, công khai hiệu quả công việc;
- Xây dựng hình ảnh nhà tuyển dụng chuyên nghiệp, chú trọng công tác tuyển dụng đảm bảo cả về chất và lượng;
- Xây dựng các chương trình nâng cao năng lực chuyên môn và năng lực lãnh đạo với tầm nhìn hoạch định nhân sự cốt lõi cho giai đoạn 2020-2025;
- Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông nội bộ, xây dựng khối đoàn kết gắn bó NLĐ;
- Tiếp tục bồi đắp và lan tỏa văn hóa doanh nghiệp sâu rộng trong đời sống của NLĐ.



## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

STT	Chỉ tiêu	Thông tin chi tiết
<b>I Dự án 1</b>		
1	Tên dự án:	Trung tâm sản xuất tập trung Rau an toàn và cây xanh cảnh quan môi trường đô thị
2	Tên nhà đầu tư	Công ty cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi
3	Hình thức đầu tư	Đầu tư trực tiếp
4	Mục tiêu đầu tư	Đầu tư xây dựng một trung tâm sản xuất rau an toàn bằng công nghệ thủy canh, tạo ra một khu hậu cần có tính chất ổn định lâu dài cho hoạt động dịch vụ công ích đô thị thành phố
5	Quy mô dự án	7,82ha
6	Địa điểm thực hiện dự án	Xã Tịnh Ấn Tây, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
7	Tổng mức đầu tư dự án	89 tỷ
8	Thời gian và tiến độ thực hiện dự án	Năm 2020 đến năm 2022
<b>II Dự án 2</b>		
1	Tên dự án:	Nghĩa trang An Điền Viên
2	Tên nhà đầu tư	Liên danh Công ty cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi và Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng thương mại Trần Gia Hân
3	Hình thức đầu tư	Đầu tư trực tiếp
4	Mục tiêu đầu tư	Nhằm xây dựng Khu Nghĩa trang đáp ứng nhu cầu chôn cất, cải táng cho người dân thành phố Quảng Ngãi nói riêng và khu vực lân cận. Tránh việc chôn cất tùy tiện, tự phát trong khu vực dân cư, làm trở ngại cho việc triển khai các dự án mới và ô nhiễm môi trường
5	Quy mô dự án	15,3ha
6	Địa điểm thực hiện dự án	xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi
7	Tổng mức đầu tư dự án	112,6tỷ
8	Thời gian và tiến độ thực hiện dự án	Năm 2020 đến năm 2024
<b>III Dự án 3</b>		
1	Tên dự án:	Nghĩa trang An Lạc Viên
2	Tên nhà đầu tư	Liên danh Công ty cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi và Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Hợp Nghĩa

STT	Chỉ tiêu	Thông tin chi tiết
3	Hình thức đầu tư	Đầu tư trực tiếp
4	Mục tiêu đầu tư	Nhằm xây dựng Khu Nghĩa trang đáp ứng nhu cầu chôn cất, cải táng cho người dân thành phố Quảng Ngãi nói riêng và khu vực lân cận. Tránh việc chôn cất tùy tiện, tự phát trong khu vực dân cư, làm trở ngại cho việc triển khai các dự án mới và ô nhiễm môi trường
5	Quy mô dự án	19,9 ha
6	Địa điểm thực hiện dự án	Xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi
7	Tổng mức đầu tư dự án	147,9tỷ
8	Thời gian và tiến độ thực hiện dự án	Năm 2020 đến năm 2024
<b>IV Dự án 4</b>		
1	Tên dự án:	Trụ sở văn phòng làm việc Công ty
2	Tên nhà đầu tư	Công ty cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi
3	Hình thức đầu tư	Đầu tư trực tiếp
4	Mục tiêu đầu tư	Nhằm đáp ứng nhu cầu về chỗ làm việc tiện nghi và hiện đại, đảm bảo các điều kiện hoạt động tốt nhất cho hoạt động SXKD của doanh nghiệp
5	Quy mô dự án	Diện tích đất. 3.248,7m <sup>2</sup> ; 5 tầng
6	Địa điểm thực hiện dự án	Tô Hiến Thành, phường Trần Phú, tỉnh Quảng Ngãi
7	Tổng mức đầu tư dự án	35 tỷ
8	Thời gian và tiến độ thực hiện dự án	Năm 2021

## Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

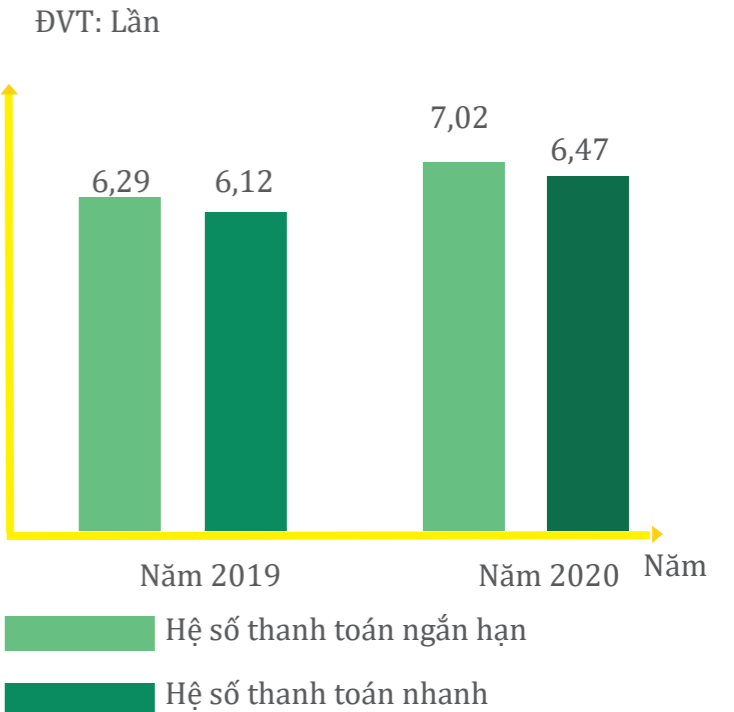
Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	6,29	7,02
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	6,12	6,47
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	23,53%	19,60%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	30,77%	24,37%
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	32,87	17,92
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,01	0,92
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	16,36%	13,96%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	22,22%	16,38%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	16,59%	12,86%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	20,69%	16,27%



### Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

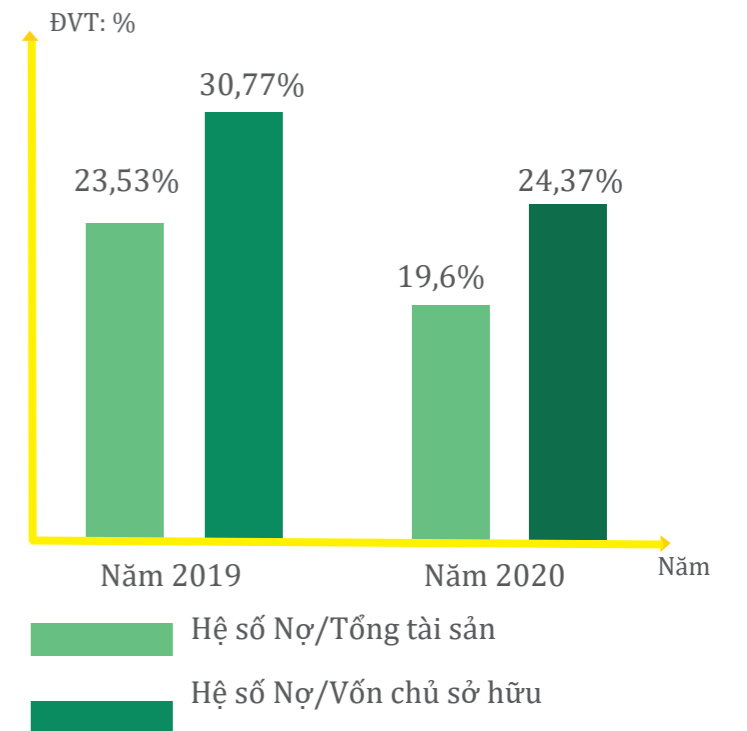
Chỉ tiêu khả năng thanh toán phản ánh năng lực về tài chính mà doanh nghiệp có được để đáp ứng nhu cầu thanh toán các nghĩa vụ tài chính trong tương lai. Các hệ số khả năng thanh toán của Công ty có sự chuyển biến tích cực so với năm trước. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn tăng lên 7,02 lần, hệ số thanh toán nhanh tăng lên 6,47 lần.

Nguyên nhân chủ yếu đến từ các dự án chưa hoàn thiện trong năm 2020 và được chuyển giao sang năm 2021 làm cho hàng tồn kho trong năm tăng 200,87% so với năm 2019. Trong năm 2020, các khoản phải thu ngắn hạn khác tăng 227,23% so với năm 2019. Ngoài ra, các khoản nợ của Công ty không biến động nhiều theo đó Công ty vẫn đảm bảo khả năng thanh toán cho các hoạt động sản xuất kinh doanh.



### Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Hệ số nợ/tổng tài sản và nợ/vốn chủ sở hữu giảm tương đối mạnh so với năm 2019, lần lượt là 19,6% và 24,37%. Nguyên nhân của xu hướng giảm này là do tổng tài sản và vốn chủ sở hữu tăng, bên cạnh đó nợ phải trả giảm. Cụ thể tổng tài sản tăng chủ yếu từ việc Công ty mua thêm phương tiện vận tải truyền dẫn và máy móc thiết bị phục vụ các dự án cải tạo môi trường cảnh quan. Ngoài ra, vốn chủ sở hữu tăng chủ yếu đến từ việc Công ty đã tăng vốn góp chủ sở hữu lên 30,6 tỷ đồng thông qua việc trả cổ tức bằng cổ phiếu.







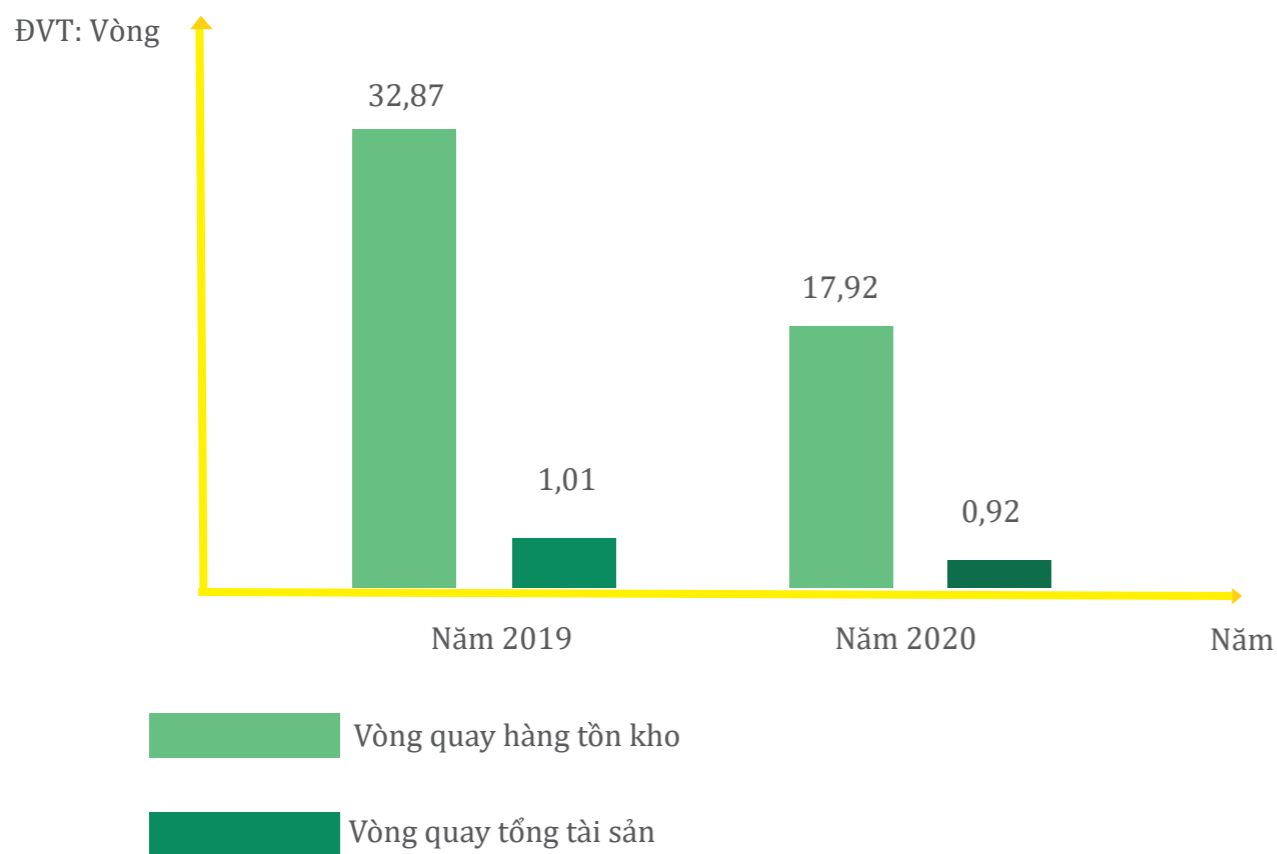
## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



### Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho giảm từ 32,87 vòng năm 2019 còn 17,92 vòng năm 2020. Nguyên nhân do hàng tồn kho tăng 200,87% so với năm 2019. Cụ thể, hàng tồn kho tăng vì chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang hàng tồn kho trong năm 2020 tăng 452% so với năm 2019, do Công ty đang thực hiện các dự án: Nghĩa trang An Điền Viên, Nghĩa trang An Lạc Viên, Nhà máy xử lý chất thải rắn...

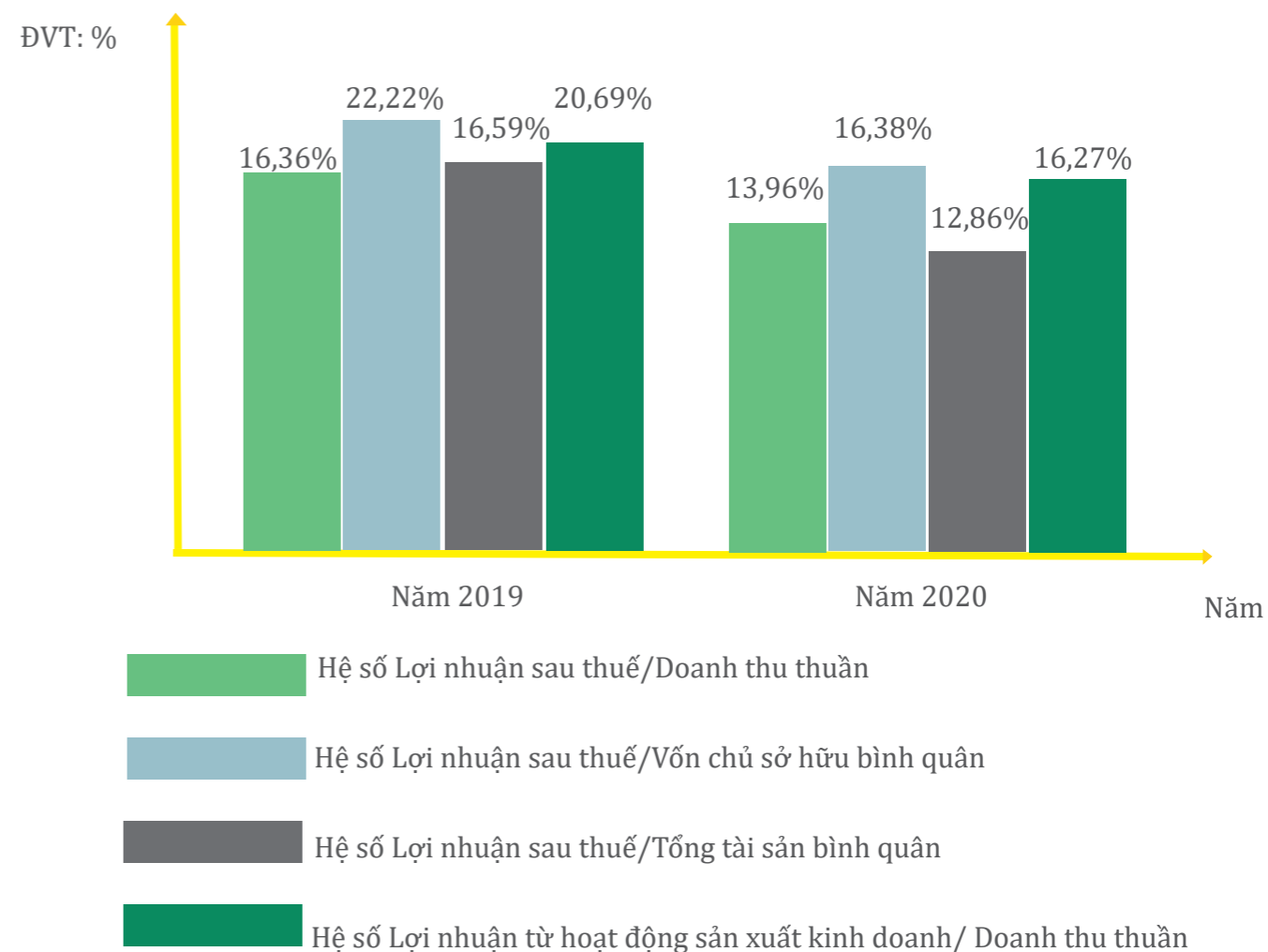
Vòng quay tổng tài sản cho biết hiệu quả hoạt động của một đồng tài sản tạo ra bao nhiêu đồng doanh thu. Trong năm hệ số tương đối ổn định đạt 0,92 vòng cho thấy Công ty có những chính sách phù hợp để kiểm soát được hiệu quả hoạt động trong năm.



### Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần năm 2020 là 20,69%, giảm 13,96% so với cùng kỳ năm trước, Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần đạt 16,27%. Nguyên nhân của xu hướng giảm này đến từ việc lợi nhuận sau thuế giảm, trong khi đó doanh thu thuần không tăng mạnh.

Cụ thể, lợi nhuận sau thuế giảm là do giá vốn hàng bán tăng, trong đó giá vốn cung cấp dịch vụ đã cung cấp tăng mạnh 114 tỷ đồng tương đương giảm 13,6% so với năm 2019, và doanh thu thuần năm 2020 chỉ tăng 1,25% so với năm 2019.





## TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

### Thông tin cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu đã phát hành:

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 3.060.353 cp
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Loại cổ phần:

Mệnh giá cổ phần: 10.000đồng

### Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông Nhà nước	-	-	-
II	Cổ đông lớn	1.676.172	16.761.720.000	51,77
	Trong nước	1.676.172	16.761.720.000	51,77
	Nước ngoài	-	-	-
III	Cổ đông khác	1.384.181	13.384.181.000	48,23
	Trong nước	1.384.181	13.384.181.000	48,23
	Nước ngoài	-	-	-
	Tổng cộng	3.060.353	30.603.530.000	100%

### Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Công ty tăng vốn từ 22.177.290.000 đồng lên 30.603.530.000 đồng từ việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019.



## TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG

### a. Tiêu thụ năng lượng

Tiết kiệm điện năng vừa là tiết kiệm tài nguyên quốc gia vừa tiết kiệm được chi phí cho doanh nghiệp, chính vì thế, Ban lãnh đạo Công ty đã đề ra từ đầu năm yêu cầu các bộ phận có liên quan nghiêm túc thực hiện, được theo dõi liên tục thường xuyên để kiểm tra mức độ hoàn thành mục tiêu này. Kiểm soát điện năng tiêu thụ đã giúp giảm thiểu tối đa việc lãng phí năng lượng, giảm chi phí hoạt động của Công ty.

### b. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty cổ phần Môi trường đô thị Quảng Ngãi luôn đặt mục tiêu phát triển bền vững cho môi trường, xã hội và cộng đồng song song với những mục tiêu phát triển kinh tế tại bất cứ dự án nào mà MQN đầu tư và triển khai. Các dự án trên địa bàn đều được thực hiện với tiêu chí hài hòa với thiên nhiên và môi trường, tôn trọng và nâng tầm cảnh quan khu vực, thể hiện sự ý thức trong việc giữ gìn và bảo vệ môi trường. Ngoài mục tiêu lợi nhuận, Công ty xem việc giữ gìn môi trường, cảnh quan sạch sẽ là trọng yếu. Vì thế, MQN không ngừng nỗ lực cải thiện chất lượng dịch vụ nhằm đưa ra những giải pháp, hoạt động tốt nhất nhằm góp phần giữ môi trường xanh, sạch, đẹp, tạo nên môi trường sống trong lành, thân thiện cho cộng đồng, kiến tạo sản phẩm xanh, không gian sống gần gũi với thiên nhiên, góp phần bảo vệ môi trường.

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không;
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không;
- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không;
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

### c. Chính sách liên quan đến người lao động

Về chính sách nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của NLĐ, Công ty tổ chức khám chữa bệnh định kỳ, thăm khám bệnh nghề nghiệp cho NLĐ Công ty. Bên cạnh đó, nhằm mang lại không khí vui tươi, thoải mái cho NLĐ sau giờ làm việc, Công ty đã phối hợp cùng Công đoàn tổ chức các hoạt động tập thể như thi hội thao, ca hát văn hóa văn nghệ, ... Các hoạt động tập thể này nhằm nâng cao tinh thần đoàn kết của tập thể của NLĐ trong toàn Công ty.

### d. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn cam kết thực thi chiến lược phát triển bền vững của hệ thống trong toàn bộ và xuyên suốt hoạt động sản xuất, kinh doanh góp phần vào sự phát triển bền vững của đất nước, bao gồm các chương trình hỗ trợ người nghèo trong các dịp lễ tết, xây dựng cơ sở vật chất y tế, đường giao thông, hỗ trợ đồng bào lũ lụt, ...

# BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	57
Tình hình tài chính	59
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	61
Kế hoạch phát triển trong tương lai	63
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty	65





## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

### Thuận lợi

Yếu tố vệ sinh môi trường đô thị luôn được các cấp chính quyền thành phố quan tâm và chỉ đạo sâu sát. Đây là thuận lợi to lớn của Công ty khi có được môi trường để phát triển các hoạt động kinh doanh nhờ sự quan tâm đầu tư thêm các cơ sở hạ tầng, trang thiết bị liên quan đến môi trường.

Công ty có bề dày hơn 30 năm hình thành và phát triển, có sự ổn định trong tổ chức hoạt động kinh doanh. Hơn nữa là đội ngũ người lao động có tay nghề, có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong công tác khi đã phục vụ công tác vệ sinh môi trường cho thành phố và các sự kiện mang tầm quốc tế trong một thời gian dài. Cùng với đó là tinh thần trách nhiệm, năng động, sáng tạo, đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau góp phần thúc đẩy Công ty vượt qua nhiều khó khăn, thách thức trong nhiều thời kỳ.

Tập thể người lao động có sự đoàn kết nhất trí cao, tâm huyết vì mục tiêu phát triển chung của Công ty.



### Khó khăn

Năm 2020, cũng như thế giới Việt Nam phải đối mặt với đại dịch Covid – 19. Để phòng chống dịch; Việt Nam đã đưa ra biện pháp giãn cách toàn xã hội trong 15 ngày theo Chỉ thị số 16/CT-TT ngày 31/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ áp dụng 0 giờ ngày 01/4/2020. Trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi khi phát hiện có người bị nhiễm Covid – 19, UBND tỉnh cũng đã chỉ đạo một đợt giãn cách xã hội từ ngày 09 tháng 8 năm 2020 đến ngày 23 tháng 8 năm 2020. Đến cuối tháng 10, Quảng Ngãi lại bị ảnh hưởng trực tiếp bởi bão số 9 (Molave) với sức gió cấp 12, đã làm hư hỏng nhiều công trình, nhà cửa trong đó có hệ thống cây xanh, hệ thống điện chiếu sáng và đèn tín hiệu giao thông do Công ty đang trực tiếp duy trì theo Hợp đồng với Chủ đầu tư.

Thiên tai và dịch bệnh nêu trên đã ảnh hưởng lớn đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

Cơ chế chính sách của Nhà nước có sự thay đổi lớn về các loại hình dịch vụ mà công ty đang cung cấp.

Tuy chưa có nhiều doanh nghiệp hoạt động cùng ngành trên địa bàn nhưng hiện nay Công ty đang gặp khó khăn khi hoạt động cung cấp dịch vụ công ích không còn là độc quyền đối với Công ty. Công ty phải làm quen với việc đối mặt với áp lực cạnh tranh từ các doanh nghiệp khác.

Mặc dù các cấp chính quyền Thành phố đã tăng cường công tác tuyên truyền về vệ sinh đô thị, bảo vệ môi trường nhằm hướng đến xây dựng Thành phố văn minh, môi trường nhưng một bộ phận người dân vẫn chưa có ý thức tốt. Điều này gây ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty khi phải tốn thêm thời gian, chi phí thu dọn nhằm tránh gây mất mỹ quan đô thị.



# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## Tình hình tài sản

ĐVT: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2019	Năm 2020	TH2020/ TH2019	Tỷ trọng năm 2019	Tỷ trọng năm 2020
Tài sản ngắn hạn	119.800	122.448	2,21%	75,37%	71,39%
Tài sản dài hạn	39.147	49.074	25,36%	24,63%	28,61%
Tổng tài sản	158.947	171.522	7,91%	100%	100%

## Tình hình nợ phải trả

ĐVT: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2019	Năm 2020	TH2020/ TH2019	Tỷ trọng năm 2019	Tỷ trọng năm 2020
Nợ ngắn hạn	19.046	17.435	-8,46%	50,92%	51,87%
Nợ dài hạn	18.358	16.178	-11,87%	49,08%	48,13%
Tổng nợ phải trả	37.404	33.613	-10,14%	100%	100%

### TÀI SẢN

Tổng tài sản đạt 171,52 tỷ đồng năm 2020, tăng 7,91% so với năm 2019. Trong đó, tài sản ngắn hạn đạt 122,45 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 71,39% trên tổng tài sản. Cụ thể, do chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang hàng tồn kho trong năm 2020 tăng 452% so với năm 2019.

Tài sản dài hạn trong năm tăng 25,36% so với năm 2019. Chủ yếu từ nguyên giá tài sản cố định hữu hình tăng 13,5% so với năm 2019, do trong năm Công ty mua thêm phương tiện vận tải truyền dẫn 13 tỷ đồng, và máy móc thiết bị 107 triệu đồng phục vụ các dự án cải tạo cảnh quan môi trường tại Quảng Ngãi.

### NỢ PHẢI TRẢ

Trong năm 2020, nợ phải trả giảm 10,14% so với năm 2019. Nguyên nhân do nợ phải trả người lao động giảm 36,18% so với năm 2019, khoản mục thuế và các khoản phải nộp Nhà nước giảm 49,32% so với năm 2019. Ngoài ra, còn có nợ dài hạn của Công ty giảm 11,87% so với năm 2019. Do trong năm, Công ty đã trả khoản gốc vay dài hạn đến hạn trả.





## NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ



Cuối tháng 10, Quảng Ngãi bị ảnh hưởng trực tiếp bởi bão số 9 với sức gió cấp 12, đã làm hư hỏng nhiều công trình, nhà cửa trong đó Công ty đang trực tiếp duy trì theo Hợp đồng với Chủ đầu tư.

Thiên tai và dịch bệnh đã ảnh hưởng lớn đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy thế, bằng sự nỗ lực của tập thể NLĐ tại Công ty, sự hỗ trợ kịp thời của cơ quan đơn vị liên quan, cùng sự chung tay góp sức của NLĐ Môi trường Đô thị Quảng Ngãi, Công ty đã đạt được những thành tựu trong năm như:

### 1. Công tác tổ chức hành chính nhân sự:

- Xây dựng lại bộ máy tổ chức nhân sự của Công ty;
- Đổi tên phòng Kinh tế - Kỹ thuật thành phòng Kế hoạch - Kỹ thuật;
- Tách phòng Kinh doanh - Đầu tư thành 2 phòng: Phòng Vật tư - Kinh doanh và phòng Đầu tư;
- Thành lập Xí nghiệp Thi công Môi trường Đô thị với nhân sự từ bộ phận Bãi xử lý và Nghĩa địa, bộ phận Xử lý rác thải y tế và tuyển dụng bổ sung.

Hợp nhất Đội xe và Tổ cơ khí thành phòng Cơ giới;

Sáp nhập Đội thoát nước về Xí nghiệp Điện và đổi tên thành Xí nghiệp Điện và Hạ tầng.

### 2. Công tác Kế hoạch - Kỹ thuật:

- Kịp thời giao chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh Công ty.
- Tổ chức triển khai trang trí hoa Tết Nguyên đán Canh Tý - 2020 theo yêu cầu của UBND thành phố Quảng Ngãi và được UBND thành phố đánh giá cao.
- Theo dõi, quản lý kỹ thuật, phát hiện, đề xuất về các lĩnh vực vệ sinh môi trường, thoát nước, điện chiếu sáng, cây xanh, xe máy, quản trang đối với quá trình vận hành của các đơn vị sản xuất trực thuộc Công ty.
- Lập kế hoạch tổng hợp về an toàn vệ sinh lao động gói thầu số 02.

### 3. Công tác đầu tư:

- Lập thủ tục chuẩn bị đầu tư các dự án:
- Dự án Trung tâm sản xuất tập trung Rau an toàn và cây xanh cảnh quan môi trường đô thị với tổng mức đầu tư dự kiến: 89,9 tỷ đồng.
- Dự án Nghĩa trang An Điền Viên với tổng mức đầu tư dự kiến: 112,6 tỷ đồng.
- Dự án Đầu tư nâng cấp trụ sở văn phòng làm việc Công ty với tổng mức đầu tư dự kiến 20 tỷ đồng.
- Lập thủ tục xây dựng công trình Trạm cấp nhiên liệu nội bộ và hệ thống camera an ninh thuộc Công ty.





## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

- Kiện toàn ổn định cơ cấu bộ máy theo mô hình năng động, hiệu quả để thích ứng hoạt động của Công ty cổ phần và Luật Doanh nghiệp mới.
- Phát triển nguồn lực đủ về chất và lượng, có trình độ năng lực quản lý kinh tế, lao động có tay nghề. Điều chỉnh các nội quy, quy chế, quy trình hoạt động, đơn giá dịch vụ,... phù hợp hoạt động Công ty cổ phần.
- Tăng cường công tác phối hợp với Chủ đầu tư, địa phương trong công tác vệ sinh đô thị thông qua quy chế phối hợp. Phối hợp với Chủ đầu tư, Sở, ngành thành phố hoàn thành công tác phục vụ lễ, hội của thành phố.
- Đẩy mạnh công tác quan hệ đối tác, khách hàng, tìm kiếm công trình.
- Xây dựng quy trình thu gom rác thải bằng cơ giới hóa, theo hướng hạn chế điểm tập kết rác trên các tuyến đường.
- Tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, nâng cao năng lực kinh doanh, năng lực cạnh tranh, phát triển thương hiệu Công ty.
- Tăng cường công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động giảm thiểu tối đa tai nạn lao động và tai nạn giao thông.

### Công tác thực hiện các dự án:

- Tập trung tổ chức thực hiện tốt các gói thầu gia hạn thời gian thực hiện trong khi chờ đấu thầu, thực hiện thu và quản lý tiền dịch vụ thu, gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn Công ty thi công và công tác vận hành xử lý chôn lấp rác thải sinh hoạt tại địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.
- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác phục vụ các hoạt động, đường hoa nghệ thuật và các ngày lễ, kỷ niệm.
- Tiếp tục tham dự đấu thầu dịch vụ công ích năm 2021.

### Kế hoạch phát triển trong năm 2021

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021
1	Doanh thu thuần	152.204	189.000
2	Lợi nhuận sau thuế	21.253	23.000







## BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

### Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Công ty luôn chú trọng trong việc xây dựng định mức sử dụng các nguồn năng lượng. Tất cả các văn phòng, nhà máy của Công ty đều áp dụng và báo cáo tình hình sử dụng năng lượng định kỳ. Bên cạnh đó, việc truyền thông nội bộ cũng được thực hiện thường xuyên nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của NLD. Hoạt động tiêu thụ năng lượng của các nhà máy đều tuân thủ theo đúng tiêu chuẩn và định mức năng lượng cần thiết để hệ thống vận hành hiệu quả.

### Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Một chính sách tiền lương hợp lý sẽ là đòn bẩy phát triển nguồn nhân lực của tổ chức, thúc đẩy NLD làm việc nhiệt huyết, công cụ hiệu quả để ổn định nhân sự, thu hút và giữ chân nhân tài. Công tác tiền lương của Công ty luôn được thực hiện nghiêm ngặt theo quy định của Pháp luật lao động, tuyệt đối tuân thủ theo quy chế tiền lương đã đăng ký với cơ quan nhà nước và cam kết với NLD.

NLD được hưởng các chế độ thu nhập, tiền lương theo quy chế rõ ràng, căn cứ dựa trên thị trường lao động, trình độ, năng lực, khối lượng công việc thực tế và kết quả công việc cá nhân. Bên cạnh đó, Công ty luôn có các chính sách khen thưởng để động viên, khuyến khích NLD tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Công ty luôn tạo điều kiện để công nhân viên trong Công ty được thụ hưởng các chính sách phúc lợi tốt nhất để thúc đẩy tinh thần làm việc của NLD và tạo sự gắn bó lâu dài với tập thể. Theo đó, người lao động luôn được thực hiện đầy đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn... theo đúng quy định. Các chế độ thai sản, nuôi con nhỏ đều được đảm bảo cho người lao động nữ.



### Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty không ngừng nghiên cứu, áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường triển khai tại tất cả các nhà máy. Công ty thực hiện đầy đủ các quy định của Luật pháp về an toàn vệ sinh lao động, tạo môi trường lao động theo các quy chuẩn Việt Nam, định kỳ hàng năm quan trắc để đánh giá xác định chất lượng môi trường lao động.

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực môi trường, cảnh quan nên ưu tiên hàng đầu của Công ty là sự tuân thủ các yêu cầu luật pháp về vấn đề môi trường. Công ty đề cao việc sử dụng tiết kiệm các loại năng lượng, tài nguyên thiên nhiên.

# BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	69
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty	70
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị	70





## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Là doanh nghiệp có bề dày hoạt động hơn 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực dịch vụ công ích, với đội ngũ NLD lành nghề, luôn đặt chất lượng dịch vụ đi đầu, MQN đã tạo được sự uy tín đối với khách hàng cũng như các đối tác trên địa bàn hoạt động. Đây cũng là lợi thế cạnh tranh mà toàn thể Ban lãnh đạo và toàn thể NLD Công ty đã xây dựng hơn 30 năm qua. Với chiến lược kinh doanh hiệu quả cùng với sự nhiệt huyết của toàn thể Ban lãnh đạo và NLD, MQN vượt qua khó khăn, đạt những kết quả như sau:

Kết quả sản xuất - kinh doanh năm 2020 thực hiện:

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2019	Thực hiện năm 2020	% TH/KH 2020	% Tăng/Giảm TH 2020/TH2019
Doanh thu thuần	155.000	150.328	152.207	96,99%	1,25%
Lợi nhuận trước thuế	24.800	24.598	21.253	85,70%	-13,60%

Tổng doanh thu kinh doanh đạt 152,2 tỷ đồng, tăng 1.25% so với năm 2019 và đạt 96,99% so với kế hoạch 2020. Lợi nhuận sau thuế đạt 21,3 tỷ đồng, giảm 13,6% so với năm 2019 và đạt 85,70% so với kế hoạch đề ra.



## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Ban Tổng Giám đốc đã tổ chức sản xuất phù hợp với tình hình cụ thể của Công ty và thực hiện các biện pháp chỉ đạo kịp thời để nâng cao năng suất lao động. Bên cạnh đó, Công ty luôn quan tâm thực hiện các chế độ chính sách đối với NLD theo quy định của Bộ Luật lao động và các chế độ, chính sách hiện hành của Nhà nước.

Từ đầu năm 2020 đến nay đã có 2 đợt dịch Covid-19 bùng phát, trên địa bàn tỉnh cũng có các trường hợp bệnh nhân dương tính. Đặc thù của Công ty là người lao động đông, địa bàn làm việc rộng. Tuy nhiên Ban TGD đã đưa ra được các phương án để phòng ngừa đúng đắn cho người lao động nên tất cả người lao động của Công ty đều an toàn.

## CÁC KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Tiếp tục duy trì, củng cố và mở rộng phát triển các loại hình dịch vụ, nâng cao chất lượng phục vụ và có hiệu quả.
- Đầu tư trang thiết bị, phương tiện chuyên dùng phục vụ cho công tác vệ sinh, cây xanh, chiếu sáng.
- Tăng cường công tác quản lý chặt chẽ, tổ chức thi công khoa học, hợp lý, xây dựng định mức lao động tiên tiến, cơ chế khoán công việc, khoán chi phí.
- Tổ chức bộ máy quản lý, điều hành hợp lý, gọn nhẹ và có hiệu quả, ổn định đời sống người lao động, thực hiện việc đào tạo và tuyển dụng lao động có trình độ.



# BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị	74
Ban kiểm soát	77
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát.	78





## CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham gia họp
1	Ông Trần Thanh Minh	Chủ tịch HĐQT	21/25	85%	Đi công tác
2	Ông Vương Hùng Vân	Chủ tịch HĐQT	25/25	100%	
3	Đỗ Dương Công	Thành viên HĐQT	04/07	57,14%	Miễn nhiệm ngày 24/06/2020
4	Lê Hồng Sơn	Thành viên HĐQT	21/25	84%	Đi công tác và nghỉ phép
5	Trương Minh Khương	Thành viên HĐQT	07/07	100%	Miễn nhiệm ngày 24/06/2020
6	Nguyễn Thị Thu Dung	Thành viên HĐQT	18/18	100%	Mới bổ nhiệm ngày 24/06/2020
7	Hồ Tấn Hóa	Thành viên HĐQT	18/18	100%	Mới bổ nhiệm ngày 24/06/2020
8	Ông Lê Đăng Triều	Thành viên HĐQT	03/03	100%	Mới bổ nhiệm ngày 15/12/2020
9	Đoàn Nhật Linh	Thành viên HĐQT	18/18	100%	Mới bổ nhiệm ngày 24/06/2020
10	Trương Minh Phương	Thành viên HĐQT	18/18	100%	Mới bổ nhiệm ngày 24/06/2020



Trong năm, HĐQT đã đưa ra các quyết định, nghị quyết:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	Số 01/NQ - HĐQT	11/02/2020	Xây dựng sửa chữa nhà làm việc của Công ty
2	Số 02/NQ - HĐQT	04/03/2020	Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự Đại hội cổ đông thường niên 2020
3	Số 03/NQ - HĐQT	30/03/2020	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc
4	Số 04/NQ - HĐQT	01/04/2020	Thay đổi ngày họp cổ đông thường niên năm 2020
5	Số 05/NQ - HĐQT	05/05/2020	Triệu tập họp cổ đông thường niên năm 2020
6	Số 06/NQ - HĐQT	02/06/2020	Thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
7	Số 07/NQ - HĐQT	19/06/2020	Đề cử ứng viên cho thành viên HĐQT, trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
8	Số 08/NQ - HĐQT	24/06/2020	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
9	Số 09/NQ - HĐQT	25/06/2020	Nghị quyết bầu Chủ tịch HĐQT
10	Số 10/NQ - HĐQT	10/07/2020	Triển khai một số nội dung thực hiện sau Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
11	Số 11/NQ - HĐQT	20/07/2020	Thông qua các thủ tục thực hiện chi trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu
12	Số 12/NQ - HĐQT	04/08/2020	Đầu tư mua sắm xe ô tô 7 chỗ ngồi
13	Số 13/NQ - HĐQT	15/08/2020	Thay đổi cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty
14	Số 14/NQ - HĐQT	17/08/2020	Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020
15	Số 15/NQ - HĐQT	17/08/2020	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc
16	Số 16/NQ - HĐQT	19/08/2020	Lựa chọn ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông chi trả cổ tức bằng cổ phiếu
17	Số 17/NQ - HĐQT	14/09/2020	Thay đổi ngày họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020



## CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
18	Số 18/NQ - HĐQT	23/09/2020	Về việc thay đổi vốn Điều lệ Công ty
19	Số 19/NQ - HĐQT	02/11/2020	Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020
20	Số 20/NQ - HĐQT	24/11/2020	Thống nhất một số nội dung trình Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020
21	Số 21/NQ - HĐQT	30/11/2020	Miễn nhiệm Tổng Giám đốc Công ty
22	Số 22/NQ - HĐQT	30/11/2020	Miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT Công ty
23	Số 23/NQ - HĐQT	30/11/2020	Bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT Công ty
24	Số 24/NQ - HĐQT	30/11/2020	Bổ nhiệm Tổng Giám đốc Công ty
25	Số 25/NQ - HĐQT	30/11/2020	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty
26	Số 26/NQ - HĐQT	15/12/2020	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020
27	Số 27/NQ - HĐQT	15/12/2020	Thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn Điều lệ
28	Số 28/NQ - HĐQT	30/12/2020	Miễn nhiệm chủ tịch HĐQT Công ty
29	Số 29/NQ - HĐQT	30/12/2020	Bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT Công ty
30	Số 30/NQ - HĐQT	30/12/2020	Miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty
31	Số 31/NQ - HĐQT	30/12/2020	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty
32	Số 32/NQ - HĐQT	30/12/2020	Bổ nhiệm Phó Chủ tịch HĐQT Công ty
33	Số 33/NQ - HĐQT	30/12/2020	Tiếp nhận và bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty
34	Số 34/NQ - HĐQT	30/12/2020	Miễn nhiệm kế toán trưởng Công ty
35	Số 01/NQ - HĐQT	30/12/2020	Giao nhiệm vụ cho Ban Tổng Giám đốc

- a. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có  
b. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: không có

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Số 01/QĐ - HĐQT	21/01/2020	Thành lập Văn phòng Công ty
2	Số 02/QĐ - HĐQT	06/02/2020	Thành lập BTC phục vụ Đại hội ĐCĐ thường niên năm 2020
3	Số 03/QĐ - HĐQT	15/08/2020	Thành lập BCD thực hiện công tác cải tổ bộ máy Công ty
4	Số 04/QĐ - HĐQT	25/08/2020	Ban hành quy chế làm việc của HĐQT
5	Số 05/QĐ - HĐQT	15/08/2020	Thành lập xí nghiệp thi công môi trường đô thị
6	Số 06/QĐ - HĐQT	20/08/2020	Thành lập phòng Đầu tư thuộc Công ty
7	Số 07/QĐ - HĐQT	20/08/2020	Thành lập phòng Vật tư – Kinh doanh
8	Số 08/QĐ - HĐQT	20/08/2020	Thành lập phòng Cơ giới
9	Số 09/QĐ - HĐQT	20/08/2020	Đổi tên phòng Kinh tế – Kỹ thuật
10	Số 10/QĐ - HĐQT	20/08/2020	Đổi tên xí nghiệp Điện
11	Số 11/QĐ - HĐQT	25/08/2020	Phân công nhiệm vụ thành viên HĐQT
12	Số 12/QĐ - HĐQT	30/11/2020	Thay đổi người đại diện pháp luật của Công ty
13	Số 13/QĐ - HĐQT	31/12/2020	Giao nhiệm vụ phụ trách phòng kế toán Công ty





## BAN KIỂM SOÁT

### a. Cuộc họp của Ban kiểm soát:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham gia họp
1	Phạm Thị Bích Lai	07	100%	
2	Trương Tuấn Tú	05	71,4%	Nghỉ phép và đã được miễn nhiệm ngày 15/12/2020
3	Nguyễn Thị Anh Tuyến	07	100%	
4	Phạm Đức Cường	01	14,3%	Mới bầu bổ sung

### b. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông

- BKS đã họp lập kế hoạch hoạt động trong năm 2020 và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty theo quy định tại điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và tuân thủ quy định của Pháp luật.
- Kiểm tra việc quản lý và thực hiện kế hoạch, phân phối lợi nhuận của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các hoạt động kinh doanh theo các Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- Giám sát việc ban hành triển khai và kết quả thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc điều hành.
- Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý, tính trung thực và mức độ cần trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Tham gia đầy đủ các buổi họp của HĐQT, Ban TGD, nắm bắt tất cả các thông tin kịp thời về hoạt động kinh doanh và đầu tư, tham gia ý kiến và đưa ra các kiến nghị với HĐQT, BTGD Công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.
- BKS đã thực hiện việc lựa chọn đơn vị kiểm toán theo chức năng và nhiệm vụ của BKS mà Điều lệ Công ty quy định.
- BKS thực hiện báo cáo đến Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động kiểm tra giám sát của mình.

## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TGD, BKS

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ/ Mối quan hệ với người nội bộ	Số lượng cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do thay đổi
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
1	Trương Tuấn Tú		9.094	0,41	3.499	0,11	Nhu cầu tài chính cá nhân
2	Lê Cao Thanh		10.835	0,45	0	0	
3	Trương Minh Khương		9.712	0,32	0	0	
4	Trương Minh Phương		10.356	0,34	2.000	0,07	
5	Nguyễn Thị Mai Xuân	Chị ruột bà Nguyễn Thị Thu Dung	1.288	0,058	671.804	21,95	Nâng tỷ lệ sở hữu tại Công ty

- Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.
- Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Việc quản trị Công ty luôn được đảm bảo theo đúng pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ và các tiêu chí nhằm đảm bảo được hoạt động của Công ty một cách suôn sẻ nhất; theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích của công ty và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động của công ty một cách hiệu quả, từ đó khuyến khích công ty sử dụng các nguồn lực một cách tốt nhất. Ngoài ra, Công ty luôn tăng cường kiến thức quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban giám đốc thông qua việc cử các cán bộ đi đào tạo theo thông báo của UBCKNN, các cơ quan liên quan và các lớp học quản trị công ty. Từ đó, nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí vốn cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán	81
Báo cáo tài chính được kiểm toán	83





MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 5
Báo cáo kiểm toán độc lập	6
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	7 - 8
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 29

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán.

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Quảng Ngãi theo Quyết định số 2124/QĐ-UBND ngày 08/12/2009 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Quảng Ngãi. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4300225555 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 16/12/2009, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 09 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4300225555) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 01/12/2020.

**Vốn điều lệ:** 30.603.530.000 đồng.

**Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2020:** 30.603.530.000 đồng.

Công ty được chấp thuận giao dịch cổ phiếu phổ thông trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 344/QĐ-SGDHN ngày 15/06/2018 với mã chứng khoán là MQN.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: Đường Tô Hiến Thành, Phường Trần Phú, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi
- Điện thoại: (84) 255.3819612 - 3816929
- Fax: (84) 255.3816930

### Ngành nghề kinh doanh

- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình đường sắt;
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Xây dựng công trình thủy;
- Xây dựng công trình khai khoáng;
- Xây dựng công trình chế biến, chế tạo;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Khai khoáng chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
- Xây dựng công trình điện;
- Trồng cây lâu năm khác;
- Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt;
- Xây dựng công trình công ích khác;
- Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò;
- Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai;
- Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn;
- Trồng cây hàng năm khác;
- Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm;
- Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm;
- Xử lý hạt giống để nhân giống;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ;
- Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ;
- Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet;
- Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sản xuất điện;
- Truyền tải và phân phối điện;
- Chăn nuôi gia cầm;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Sản xuất hoá chất cơ bản;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Thu gom rác thải độc hại;
- Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp;
- Vệ sinh chung nhà cửa;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan.

### Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 521 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 07 người. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

### Hội đồng quản trị

• Ông Lê Đăng Triều	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01/01/2021
• Ông Trần Thanh Minh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01/12/2020
	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 01/01/2021
	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 24/06/2020
• Ông Vương Hùng Văn	Chủ tịch	Bổ nhiệm lại ngày 24/06/2020
	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 01/12/2020
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01/12/2020
• Bà Nguyễn Thị Thu Dung	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01/01/2021
• Ông Đoàn Nhật Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/06/2020
• Ông Hồ Tấn Hóa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/06/2020
• Ông Lê Hồng Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 24/06/2020
	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15/12/2020
• Ông Trương Minh Khương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09/05/2015
	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24/06/2020
• Ông Trương Minh Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/06/2020

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

- Ông Đỗ Dương Công                      Thành viên                      Bổ nhiệm ngày 24/05/2019  
Miễn nhiệm ngày 24/06/2020

**Ban Kiểm soát**

- Bà Phạm Thị Bích Lai                      Trưởng ban                      Bổ nhiệm lại ngày 24/06/2020
- Bà Nguyễn Thị Anh Tuyền                      Thành viên                      Bổ nhiệm lại ngày 24/06/2020
- Ông Phạm Đức Cường                      Thành viên                      Bổ nhiệm ngày 15/12/2020
- Ông Trương Tuấn Tú                      Thành viên                      Bổ nhiệm lại ngày 24/06/2020  
Miễn nhiệm ngày 15/12/2020

**Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

- Ông Vương Hùng Vân                      Tổng Giám đốc                      Bổ nhiệm ngày 01/12/2020
- Ông Lê Hồng Sơn                      Tổng Giám đốc                      Bổ nhiệm ngày 01/01/2018  
Miễn nhiệm ngày 01/12/2020
- Bà Nguyễn Thị Thu Dung                      Phó Tổng Giám đốc                      Bổ nhiệm ngày 01/09/2020
- Ông Đoàn Nhật Linh                      Phó Tổng Giám đốc                      Bổ nhiệm ngày 30/11/2020
- Ông Hồ Tấn Hóa                      Phó Tổng Giám đốc                      Bổ nhiệm ngày 01/01/2021
- Bà Trần Thị Thanh Nga                      Phó Tổng Giám đốc                      Bổ nhiệm ngày 01/01/2021
- Ông Phạm Tấn Vũ                      Phó Tổng Giám đốc                      Bổ nhiệm ngày 08/02/2021
- Ông Trương Minh Khương                      Phó Tổng Giám đốc                      Bổ nhiệm ngày 01/06/2015  
Miễn nhiệm ngày 01/01/2021
- Ông Võ Văn Hưng                      Kế toán trưởng                      Bổ nhiệm ngày 08/03/2021  
Phụ trách kế toán                      Bổ nhiệm ngày 01/01/2021
- Ông Lê Cao Thanh                      Kế toán trưởng                      Bổ nhiệm ngày 01/06/2015  
Miễn nhiệm ngày 01/01/2021

**Kiểm toán độc lập**

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78 – 80 Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 236.3655886; Fax: (84) 236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc  
  
 Vương Hùng Vân

Quảng Ngãi, ngày 15 tháng 03 năm 2021



Số: 224/2021/BCKT-AAC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 15/03/2021 của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 7 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC**  
T.N.H.H  
KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN  
AAC

**Trần Thị Thu Hiền – Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2018-010-1  
Đà Nẵng, ngày 15 tháng 03 năm 2021

**Nguyễn Văn Thiện – Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3108-2020-010-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 01 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>122.448.243.221</b>	<b>119.799.445.947</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>20.495.203.773</b>	<b>23.231.328.547</b>
1. Tiền	111	5	20.495.203.773	23.231.328.547
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>34.000.000.000</b>	<b>34.000.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	34.000.000.000	34.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>57.924.043.929</b>	<b>58.852.187.758</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	46.444.484.298	49.245.312.414
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	922.453.650	6.484.858.650
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	10.707.150.981	3.272.061.694
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(150.045.000)	(150.045.000)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>9.570.825.812</b>	<b>3.181.044.092</b>
1. Hàng tồn kho	141	11	9.570.825.812	3.181.044.092
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>458.169.707</b>	<b>534.885.550</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14.a	458.169.707	534.885.550
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>49.073.914.571</b>	<b>39.147.119.447</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>48.164.481.147</b>	<b>38.025.423.924</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	48.164.481.147	38.025.423.924
- Nguyên giá	222		107.078.081.563	94.345.235.379
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(58.913.600.416)	(56.319.811.455)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>84.559.091</b>	<b>-</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	84.559.091	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>824.874.333</b>	<b>1.121.695.523</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14.b	824.874.333	1.121.695.523
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>171.522.157.792</b>	<b>158.946.565.394</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
 Ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>33.613.006.694</b>	<b>37.404.011.943</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>17.434.918.205</b>	<b>19.045.923.454</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	1.784.669.210	322.079.357
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	4.687.678.000	30.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	4.498.507.800	8.875.978.911
4. Phải trả người lao động	314		3.822.364.283	5.989.322.028
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	76.027.500	86.164.500
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	47.038.721	1.207.178.987
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20.a	2.180.000.000	2.180.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		338.632.691	355.199.671
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>16.178.088.489</b>	<b>18.358.088.489</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20.b	16.178.088.489	18.358.088.489
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>137.909.151.098</b>	<b>121.542.553.451</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>107.191.630.021</b>	<b>90.825.032.374</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	30.603.530.000	22.177.290.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.603.530.000	22.177.290.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414	21	24.783.300.172	7.897.892.973
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	30.476.502.939	38.436.617.297
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	21.328.296.910	22.313.232.104
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		75.052.843	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		21.253.244.067	22.313.232.104
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>30.717.521.077</b>	<b>30.717.521.077</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		30.717.521.077	30.717.521.077
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>171.522.157.792</b>	<b>158.946.565.394</b>



**Tổng Giám đốc**  
**Vương Hùng Văn**

Quảng Ngãi, ngày 15 tháng 03 năm 2021

**Kế toán trưởng**

**Võ Văn Hưng**
**Người lập biểu**

**Võ Văn Hưng**
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

 Mẫu số B 02 - DN  
 Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	23	152.206.837.320	150.327.630.793
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.882.727	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		152.203.954.593	150.327.630.793
4. Giá vốn hàng bán	11	24	114.282.750.385	105.428.984.678
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng &amp; cc dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>37.921.204.208</b>	<b>44.898.646.115</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	1.961.802.146	2.141.216.884
7. Chi phí tài chính	22	26	977.239.500	1.093.815.000
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		977.239.500	1.093.815.000
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	14.149.451.915	14.850.038.979
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>24.756.314.939</b>	<b>31.096.009.020</b>
11. Thu nhập khác	31	28	33.140.727	50.000.000
12. Chi phí khác	32	29	61.719.244	37.218.958
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(28.578.517)</b>	<b>12.781.042</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>24.727.736.422</b>	<b>31.108.790.062</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	3.474.492.355	6.510.649.598
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>21.253.244.067</b>	<b>24.598.140.464</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	5.473	6.441
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	31	5.473	6.441



**Tổng Giám đốc**  
**Vương Hùng Văn**  
 Quảng Ngãi, ngày 15 tháng 03 năm 2021

**Kế toán trưởng**

**Võ Văn Hưng**
**Người lập biểu**

**Võ Văn Hưng**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**

Mẫu số B 03 - DN  
 Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 (Thuyết minh này là bộ phận hợp thành  
 và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN  
 Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		159.662.460.709	137.325.247.987
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(68.887.378.858)	(57.310.727.001)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(55.696.420.911)	(50.817.416.599)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	18;26	(987.376.500)	(2.773.509.548)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	17	(6.587.929.431)	(2.898.759.743)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		20.876.684.863	7.492.038.303
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(41.610.719.282)	(28.988.850.054)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>6.769.320.590</b>	<b>2.028.023.345</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(9.414.504.546)	(4.373.300.000)
2. Tiền thu từ TLÝ, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		40.909.091	50.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	6	(36.285.036.000)	(58.100.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	6	36.285.036.000	65.680.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9;25	2.048.150.091	2.297.150.033
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(7.325.445.364)</b>	<b>5.553.850.033</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	20	(2.180.000.000)	(2.180.000.000)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	21	-	(2.040.317.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(2.180.000.000)</b>	<b>(4.220.317.500)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(2.736.124.774)</b>	<b>3.361.555.878</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	23.231.328.547	19.869.772.669
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>20.495.203.773</b>	<b>23.231.328.547</b>

**Tổng Giám đốc**  
  
**Vương Hùng Vân**

Quảng Ngãi, ngày 15 tháng 03 năm 2021

**Kế toán trưởng**



**Võ Văn Hưng**

**Người lập biểu**



**Võ Văn Hưng**

**1. Đặc điểm hoạt động**
**1.1. Khái quát chung**

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Quảng Ngãi theo Quyết định số 2124/QĐ-UBND ngày 08/12/2009 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Quảng Ngãi. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4300225555 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 16/12/2009, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 09 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4300225555) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 01/12/2020.

**1.2. Ngành nghề kinh doanh chính**

- Dịch vụ vệ sinh môi trường;
- Hoạt động dịch vụ chăm sóc, duy trì cây xanh, thảm cỏ, cây trang trí;
- Quản lý, duy tu, bảo dưỡng hệ thống điện chiếu sáng, đèn tín hiệu giao thông, đèn trang trí;
- Thi công các công trình: thoát nước, vỉa hè, bãi xử lý rác, các công trình dân dụng, công nghiệp;
- Thu gom vận chuyển và xử lý rác thải;
- Duy tu, bảo dưỡng hệ thống thoát nước đô thị.

**1.3. Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có 04 đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:

- Xí nghiệp Công viên - Cây xanh;
- Xí nghiệp Môi trường;
- Xí nghiệp Điện và Hạ tầng;
- Xí nghiệp Thi công Môi trường Đô thị.

**2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

**3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

**4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**
**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

### 4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

### 4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

### 4.5 Tài sản cố định hữu hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

#### Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 20
Máy móc, thiết bị	3 – 15
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	5 – 6
Tài sản cố định khác	5 - 8

### 4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty :

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### 4.7 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

### 4.8 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

chưa. Các khoản chi phí phải trả chủ yếu của Công ty là chi phí lãi vay được xác định dựa trên hợp đồng vay đã ký với bên cho vay.

### 4.9 Vay và các khoản nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phân ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Đối với các khoản vay và nợ thuê tài chính là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá bán tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch.

#### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hoá chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

### 4.10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các Cổ đông.

#### Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

### 4.11 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
  - Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

### 4.12 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

### 4.13 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

### 4.14 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

### 4.15 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận là các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

### 4.16 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

### 4.17 Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

### Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 4.18 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT:
  - Dịch vụ duy trì vườn hoa, công viên, cây xanh đường phố; Chiếu sáng công cộng bao gồm chiếu sáng đường phố, ngõ, xóm trong khu dân cư, vườn hoa, công viên; Dịch vụ lễ tang và mai táng: thuộc đối tượng không chịu thuế.
  - Hàng hóa, dịch vụ khác: áp dụng theo thuế suất hiện hành.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp:
  - Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 20%.
  - Ngoài ra, Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2020 theo quy định của Nghị quyết số 116/2020/QH14 ngày 19/6/2020 về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu không quá 200 tỷ đồng.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### 4.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

### 5. Tiền

	31/12/2020	01/01/2020
Tiền mặt	22.236.400	323.212.500
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20.472.967.373	22.908.116.047
<b>Cộng</b>	<b>20.495.203.773</b>	<b>23.231.328.547</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 12 tháng	34.000.000.000	34.000.000.000	34.000.000.000	34.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>34.000.000.000</b>	<b>34.000.000.000</b>	<b>34.000.000.000</b>	<b>34.000.000.000</b>

### 7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2020	01/01/2020
BQL Các Dự án ĐT & XD và PT quỹ đất TP Quảng Ngãi	20.978.645.000	24.076.811.000
Sở Xây dựng Thành phố Quảng Ngãi	9.617.864.000	10.627.140.000
Sở Giao thông Tỉnh Quảng Ngãi	8.049.901.000	7.161.379.000
Các đối tượng khác	7.798.074.298	7.379.982.414
<b>Cộng</b>	<b>46.444.484.298</b>	<b>49.245.312.414</b>

### 8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Công trình	430.835.650	430.835.650
Tổng Công ty CP Dệt may Hòa Thọ	184.708.000	170.511.000
Công ty TNHH TVTK Kiến trúc & Cảnh quan Thủy Anh	144.000.000	66.000.000
Các đối tượng khác	162.910.000	5.817.512.000
<b>Cộng</b>	<b>922.453.650</b>	<b>6.484.858.650</b>

### 9. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	85.832.000	-	240.000.000	-
Lãi dự thu	459.591.781	-	545.939.726	-
Phải thu thuế TNCN người lao động	-	-	10.732.182	-
Ký quỹ, ký cược	10.161.727.200	-	2.469.509.965	-
Phải thu khác	-	-	5.879.821	-
<b>Cộng</b>	<b>10.707.150.981</b>	<b>-</b>	<b>3.272.061.694</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**
*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*
**10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	31/12/2020	01/01/2020
- Từ 3 năm trở lên	(150.045.000)	(150.045.000)
<b>Cộng</b>	<b>(150.045.000)</b>	<b>(150.045.000)</b>

**11. Hàng tồn kho**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	801.017.497	-	1.203.062.820	-
Công cụ, dụng cụ	7.665.366	-	104.679.909	-
Chi phí SX, KD dở dang	8.194.784.116	-	1.484.210.130	-
Thành phẩm	422.390.183	-	272.868.583	-
Hàng hóa	144.968.650	-	116.222.650	-
<b>Cộng</b>	<b>9.570.825.812</b>	<b>-</b>	<b>3.181.044.092</b>	<b>-</b>

Không có hàng tồn kho tồn đọng, kém phẩm chất, không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2020.

Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố để đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2020.

**12. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác (*)	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	8.524.656.035	1.933.140.669	45.678.614.399	300.274.500	37.908.549.776	94.345.235.379
Mua sắm trong năm	-	107.400.000	13.075.545.456	32.727.273	-	13.215.672.729
T/lý, nhượng bán	204.976.545	-	228.100.000	49.750.000	-	482.826.545
<b>Số cuối năm</b>	<b>8.319.679.490</b>	<b>2.040.540.669</b>	<b>58.526.059.855</b>	<b>283.251.773</b>	<b>37.908.549.776</b>	<b>107.078.081.563</b>
<b>Khấu hao</b>						
Số đầu năm	6.439.182.594	1.709.047.018	40.749.751.793	230.801.351	7.191.028.699	56.319.811.455
Khấu hao trong năm	640.417.135	122.461.105	2.221.311.250	40.707.523	-	3.024.897.013
T/lý, nhượng bán	153.258.052	-	228.100.000	49.750.000	-	431.108.052
<b>Số cuối năm</b>	<b>6.926.341.677</b>	<b>1.831.508.123</b>	<b>42.742.963.043</b>	<b>221.758.874</b>	<b>7.191.028.699</b>	<b>58.913.600.416</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	2.085.473.441	224.093.651	4.928.862.606	69.473.149	30.717.521.077	38.025.423.924
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.393.337.813</b>	<b>209.032.546</b>	<b>15.783.096.812</b>	<b>61.492.899</b>	<b>30.717.521.077</b>	<b>48.164.481.147</b>

(\*) Trong tài sản cố định khác có tài sản cố định hình thành từ nguồn vốn Ngân sách Nhà nước với tổng nguyên giá: 37.327.620.554 đồng, hao mòn lũy kế tính đến 31/12/2015 là 6.610.099.477 đồng. Theo quy định tại điểm 4, Điều 1, Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính, Công ty không

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**
*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

phải trích khấu hao từ 01/01/2017 đến nay mà chỉ mở sổ chi tiết theo dõi giá trị hao mòn hàng năm của từng tài sản và không được ghi giảm nguồn vốn hình thành tài sản. Theo đó, giá trị hao mòn lũy kế của các Tài sản này tính đến 31/12/2020 là 29.939.862.337 đồng.

- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2020: 41.593.535.265 đồng.
- Không có TSCĐ đem cầm cố, thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2020.

**13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2020	01/01/2020
Chi phí đầu tư dự án nghĩa trang An Lạc Viên	80.559.091	-
Chi phí xây dựng Trạm cấp nhiên liệu nội bộ	4.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>84.559.091</b>	<b>-</b>

**14. Chi phí trả trước**
**a. Ngắn hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
Chi phí bảo hiểm ô tô	252.685.095	325.523.222
Phí đường bộ	80.001.229	61.791.569
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	125.483.383	147.570.759
<b>Cộng</b>	<b>458.169.707</b>	<b>534.885.550</b>

**b. Dài hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	752.023.903	1.121.695.523
Chi phí bảo hiểm xe	52.049.231	-
Phí đường bộ	20.801.199	-
<b>Cộng</b>	<b>824.874.333</b>	<b>1.121.695.523</b>

**15. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
Hộ Kinh doanh Việt Tiến	574.361.800	-
Công ty TNHH TMDV Cơ giới Xây dựng Sông Trà	452.784.000	-
Công ty CP Thương mại và Đầu tư Phát triển Gia Phát	300.026.400	-
Các đối tượng khác	457.497.010	322.079.357
<b>Cộng</b>	<b>1.784.669.210</b>	<b>322.079.357</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
BQLDA ĐT & XD các công trình DD và CN tỉnh Quảng Ngãi	4.687.678.000	-
Các đối tượng khác	-	30.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.687.678.000</b>	<b>30.000.000</b>

**17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	3.113.176.308	4.539.341.866	5.743.419.862	1.909.098.312
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.604.490.684	3.474.492.355	6.587.929.431	2.491.053.608
Thuế thu nhập cá nhân	157.878.239	245.333.968	305.971.847	97.240.360
Thuế tài nguyên	433.680	53.444.056	52.762.216	1.115.520
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	280.535.821	280.535.821	-
Các loại thuế khác	-	3.800.188	3.800.188	-
Phí và lệ phí	-	7.000.000	7.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>8.875.978.911</b>	<b>8.603.948.254</b>	<b>12.981.419.365</b>	<b>4.498.507.800</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

**18. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
Trích trước lãi vay	76.027.500	86.164.500
<b>Cộng</b>	<b>76.027.500</b>	<b>86.164.500</b>

**19. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2020	01/01/2020
Thuế TNCN	2.797.375	-
Phải trả khác	44.241.346	1.207.178.987
<b>Cộng</b>	<b>47.038.721</b>	<b>1.207.178.987</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**20. Vay và nợ thuê tài chính**
**a. Ngắn hạn**

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>2.180.000.000</b>	<b>2.180.000.000</b>	<b>2.180.000.000</b>	<b>2.180.000.000</b>
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Quảng Ngãi	2.180.000.000	2.180.000.000	2.180.000.000	2.180.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.180.000.000</b>	<b>2.180.000.000</b>	<b>2.180.000.000</b>	<b>2.180.000.000</b>

**b. Dài hạn**

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
<b>Vay dài hạn</b>	<b>20.538.088.489</b>	<b>-</b>	<b>2.180.000.000</b>	<b>18.358.088.489</b>
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Quảng Ngãi (i)	18.530.000.000	-	2.180.000.000	16.350.000.000
- Ngân sách Tỉnh Quảng Ngãi	2.008.088.489	-	-	2.008.088.489
<b>Cộng</b>	<b>20.538.088.489</b>	<b>-</b>	<b>2.180.000.000</b>	<b>18.358.088.489</b>
<b>Trong đó:</b>				
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	2.180.000.000			2.180.000.000
<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>18.358.088.489</b>			<b>16.178.088.489</b>

(i) Vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam Chi nhánh Quảng Ngãi theo Hiệp định vay phụ ngày 05/05/2004:

- Mục đích vay: Đầu tư cho dự án “Cải thiện Môi trường Đô thị Miền Trung”.
- Thời hạn vay: 240 tháng (Thời gian ân hạn là 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên).
- Lãi suất và phí cho vay = 5,4%/năm. Tiền lãi và phí cho vay này sẽ được tính dồn bắt đầu từ ngày Công ty rút vốn và sẽ được tính trên cơ sở một năm 360 ngày. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% so với lãi suất trong hạn đối với số tiền nợ quá hạn đó.
- Thời gian trả nợ: kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 01/12/2014, gốc vay dài hạn đến hạn trả trong năm 2020 là 2.180.000.000 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**21. Vốn chủ sở hữu**
**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư tại 01/01/2019</b>	15.955.430.000	7.897.892.973	32.047.558.851	13.255.382.384	69.156.264.208
Tăng trong năm	6.221.860.000	-	6.389.058.446	24.598.140.464	37.209.058.910
Giảm trong năm	-	-	-	15.540.290.744	15.540.290.744
<b>Số dư tại 31/12/2019</b>	<b>22.177.290.000</b>	<b>7.897.892.973</b>	<b>38.436.617.297</b>	<b>22.313.232.104</b>	<b>90.825.032.374</b>
<b>Số dư tại 01/01/2020</b>	<b>22.177.290.000</b>	<b>7.897.892.973</b>	<b>38.436.617.297</b>	<b>22.313.232.104</b>	<b>90.825.032.374</b>
Tăng trong năm	8.426.240.000	16.885.407.199	8.925.292.841	21.253.244.067	55.490.184.107
Giảm trong năm	-	-	16.885.407.199	22.238.179.261	39.123.586.460
<b>Số dư tại 31/12/2020</b>	<b>30.603.530.000</b>	<b>24.783.300.172</b>	<b>30.476.502.939</b>	<b>21.328.296.910</b>	<b>107.191.630.021</b>

**b. Cổ phiếu**

	31/12/2020 Cổ phiếu	01/01/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.060.353	2.217.729
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.060.353	2.217.729
- Cổ phiếu phổ thông	3.060.353	2.217.729
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.060.353	2.217.729
- Cổ phiếu phổ thông	3.060.353	2.217.729
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

**c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	22.313.232.104	13.255.382.384
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	21.253.244.067	24.598.140.464
Phân phối lợi nhuận	22.238.179.261	15.540.290.744
- Phân phối lợi nhuận kỳ trước	22.238.179.261	15.540.290.744
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	8.925.292.841	6.389.058.446
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	4.462.646.420	2.559.372.298
+ Thường Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị	424.000.000	370.000.000
+ Trả cổ tức bằng cổ phiếu	8.426.240.000	6.221.860.000
- Phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ</b>	<b>21.328.296.910</b>	<b>22.313.232.104</b>

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 8/NQ - ĐH ngày 24/06/2020.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**d. Cổ tức**

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đã thông qua phương án chi trả cổ tức bằng cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế năm 2019 với tỷ lệ 38% vốn điều lệ (tương ứng 8.427.370.000 đồng). Theo đó, Công ty đã chốt danh sách cổ đông tại ngày 04/09/2020 và phát hành 842.624 cổ phiếu (tương ứng 8.426.624.000 đồng) để trả cổ tức. Số lượng cổ phiếu lẻ được hủy bỏ.

**22. Khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

Đơn vị tính	Tại 31/12/2020		
	Số lượng	Nguyên giá	
<b>Tài sản nhận giữ hộ</b>			
Vườn hoa Thành phố	Vườn	1	48.313.000
Nhà lưới vườn ươm	Nhà	1	29.993.463
Máy điều hoà nhiệt độ (2 cái)	Cái	2	45.747.000
Máy điều hoà nhiệt độ	Cái	1	43.948.000

**23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2020	Năm 2019
Doanh thu cung cấp dịch vụ	151.889.205.502	149.925.105.721
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hoá	311.109.092	392.972.719
Thanh lý phế liệu	6.522.726	9.552.353
<b>Cộng</b>	<b>152.206.837.320</b>	<b>150.327.630.793</b>

**24. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2020	Năm 2019
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	114.110.774.385	105.225.203.936
Giá vốn thành phẩm, hàng hoá	171.976.000	203.780.742
<b>Cộng</b>	<b>114.282.750.385</b>	<b>105.428.984.678</b>

**25. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2020	Năm 2019
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.961.802.146	2.141.216.884
<b>Cộng</b>	<b>1.961.802.146</b>	<b>2.141.216.884</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**
*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*
**26. Chi phí tài chính**

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí lãi vay	977.239.500	1.093.815.000
<b>Cộng</b>	<b>977.239.500</b>	<b>1.093.815.000</b>

**27. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2020	Năm 2019
Lương và các khoản trích theo lương	8.347.181.101	8.199.920.489
Chi phí khấu hao tài sản cố định	436.313.435	410.864.740
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.633.434.038	2.134.221.831
Các khoản khác	3.732.523.341	4.105.031.919
<b>Cộng</b>	<b>14.149.451.915</b>	<b>14.850.038.979</b>

**28. Thu nhập khác**

	Năm 2020	Năm 2019
Thanh lý tài sản	-	50.000.000
Các khoản khác	33.140.727	-
<b>Cộng</b>	<b>33.140.727</b>	<b>50.000.000</b>

**29. Chi phí khác**

	Năm 2020	Năm 2019
Phạt hành chính, chậm nộp thuế	687.584	6.631.398
Lỗ từ thanh lý TSCĐ	10.809.402	-
Chi phí khác	50.222.258	30.587.560
<b>Cộng</b>	<b>61.719.244</b>	<b>37.218.958</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**
*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*
**30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2020	Năm 2019
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	24.727.736.422	31.108.790.062
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	90.066.113	1.322.533.928
- Điều chỉnh tăng (chi phí không được trừ)	90.066.113	1.322.533.928
- Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	24.817.802.535	32.431.323.990
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>3.474.492.355</b>	<b>6.510.649.598</b>
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	4.963.560.507	6.486.264.798
- Chi phí thuế TNDN hiện hành được giảm 30% theo NQ 116/2020/QH14	(1.489.068.152)	-
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	24.384.800

**31. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	21.253.244.067	24.598.140.464
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(4.502.648.813)	(4.886.646.420)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	4.502.648.813	4.886.646.420
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	16.750.595.254	19.711.494.044
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	3.060.353	3.060.353
<b>Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>5.473</b>	<b>6.441</b>

Chỉ tiêu Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2019 thay đổi do điều chỉnh số liệu trích quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát từ lợi nhuận sau thuế năm 2019 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 phê duyệt và hồi tố số lượng cổ phiếu trả cổ tức trong năm 2020. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu năm 2020 đã trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo phương án Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đã thông qua.

**32. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	21.526.250.392	21.457.112.067
Chi phí nhân công	65.632.543.190	65.627.941.102
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.024.897.013	1.994.629.066
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.071.563.522	22.948.211.878
Chi phí khác bằng tiền	10.944.939.769	7.524.584.761
<b>Cộng</b>	<b>135.200.193.886</b>	<b>119.552.478.874</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**33. Báo cáo bộ phận**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động, Công ty hoạt động trong bộ phận địa lý duy nhất là Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam và các bộ phận kinh doanh sau:

	Dịch vụ môi trường		Dịch vụ chăm sóc cây xanh		Dịch vụ điện chiếu sáng		Lĩnh vực khác		Tổng cộng	
	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019
Doanh thu thuần	53.681.099,364	52.805.545,804	37.854.910.000	39.562.507.000	29.577.293.000	28.650.965.000	31.090.652.229	29.308.612.989	152.203.954,593	150.327.630,793
Giá vốn	53.224.290,168	43.519.197,766	39.562.507.000	19.894.254,545	28.104.009.000	21.062.404,124	(6.608.055,783)	20.953.128,243	114.282.750,385	105.428.984,678
Lợi nhuận của bộ phận KD	456.809,196	9.286.348,038	(1.707.597,000)	19.668.252,455	1.473.284,000	7.588.560,876	37.698.708,012	8.355.484,746	37.921.204,208	44.898.646,115
Doanh thu không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	1.994.942,873	2.191.216,884
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	15.188.410,659	15.981.072,937
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>									<b>24.727.736,422</b>	<b>31.108.790,062</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**34. Quản lý rủi ro**
**a. Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

**b. Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro về giá và rủi ro về tỷ giá) rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

*Quản lý rủi ro về lãi suất*

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ khoản vay đã ký kết. Đây là khoản vay dài hạn với lãi suất thấp và cố định. Do đó Công ty không có rủi ro lớn về biến động lãi suất ngoài dự tính.

*Quản lý rủi ro về giá*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa mua vào. Để quản lý rủi ro về biến động giá cả nguyên vật liệu mua vào công ty đã ký kết các hợp đồng với mức giá phù hợp và ổn định nên Công ty cho rằng rủi ro về giá cả nguyên vật liệu, hàng hóa trong hoạt động kinh doanh ở mức thấp.

**Quản lý rủi ro tín dụng**

Nguồn thu chủ yếu của Công ty từ Ngân sách tỉnh Quảng Ngãi, Sở Xây dựng Thành phố Quảng Ngãi. Với đặc thù trong lĩnh vực môi trường đô thị và khách hàng giao dịch thường xuyên, tình hình thanh toán công nợ kịp thời, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhân rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31/12/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	1.784.669.210	-	1.784.669.210
Chi phí phải trả	76.027.500	-	76.027.500
Vay và nợ thuê tài chính	2.180.000.000	16.178.088.489	18.358.088.489
Phải trả khác	47.038.721	-	47.038.721
<b>Cộng</b>	<b>4.087.735.431</b>	<b>16.178.088.489</b>	<b>20.265.823.920</b>

01/01/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	322.079.357	-	322.079.357
Chi phí phải trả	86.164.500	-	86.164.500
Vay và nợ thuê tài chính	2.180.000.000	18.358.088.489	20.538.088.489
Phải trả khác	1.207.178.987	-	1.207.178.987
<b>Cộng</b>	<b>3.795.422.844</b>	<b>18.358.088.489</b>	<b>22.153.511.333</b>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.495.203.773	-	20.495.203.773
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	34.000.000.000	-	34.000.000.000
Phải thu khách hàng	46.294.439.298	-	46.294.439.298
Phải thu khác	10.621.318.981	-	10.621.318.981
<b>Cộng</b>	<b>111.410.962.052</b>	<b>-</b>	<b>111.410.962.052</b>

01/01/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.231.328.547	-	23.231.328.547
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	34.000.000.000	-	34.000.000.000
Phải thu khách hàng	49.095.267.414	-	49.095.267.414
Phải thu khác	3.021.329.512	-	3.021.329.512
<b>Cộng</b>	<b>109.347.925.473</b>	<b>-</b>	<b>109.347.925.473</b>

**35. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và lương của Ban Tổng Giám đốc**

	Giao dịch	Năm 2020	Năm 2019
Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	Thù lao	-	490.000.000
Ban Tổng Giám đốc	Tiền lương, thưởng	2.065.702.071	1.965.100.999

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**36. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Ngày 08/02/2021, Công ty đã mua 3.345.560 cổ phần của Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Việt Trì (mã chứng khoán MHP). Sau giao dịch mua cổ phiếu, Công ty sở hữu 93,37% vốn điều lệ của MHP.

Ngoài ra, không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**37. Số liệu so sánh**

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi AAC.



Tổng Giám đốc

Vương Hùng Vân

Quảng Ngãi, ngày 15 tháng 03 năm 2021

Kế toán trưởng

Võ Văn Hưng

Người lập

Võ Văn Hưng

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
2020**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ QUẢNG NGÃI**

Tỉnh Quảng Ngãi, ngày 14 tháng 04 năm 2021  
XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

*Wương Hùng Văn*